



## CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ



### THÔNG TIN LIÊN HỆ

**SỐ ĐIỆN THOẠI**  
(0283) 8941 228

**ĐỊA CHỈ**  
168 Quang Trung, Phường  
10, Quận Gò Vấp, Thành phố  
Hồ Chí Minh, Việt Nam

**EMAIL**  
info@28hungphu.com

**WEBSITE**  
www.28hungphu.com

BẢO CẢO

# THƯỜNG NIÊN 2020





“

Phong cách tự  
tin. Phong cách  
lịch lãm

the HOUSE BOOK

the HOUSE BOOK



# MỤC LỤC

## PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

• Thông tin khái quát	9
• Quá trình hình thành và phát triển	13
• Lĩnh vực, địa bàn kinh doanh và đối tác	17
• Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	19
• Định hướng phát triển	21
• Các nhân tố rủi ro	23

## PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

• Tình hình chung ngành dệt may năm 2020	29
• Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	31
• Tổ chức và nhân sự	35
• Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	41
• Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	45
• Báo cáo phát triển bền vững	47

## PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

• Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	53
• Tình hình tài chính	55
• Kế hoạch phát triển trong tương lai	59

## PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

• Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	67
• Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	69
• Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	70

## PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

• Hoạt động của Hội đồng quản trị	73
• Hoạt động của Ban kiểm soát	77
• Lương thưởng và thù lao	81

## PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH



PHẦN I

## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành & phát triển
- Lĩnh vực, địa bàn kinh doanh & đối tác
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các nhân tố rủi ro



## KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ
- Tên Tiếng Anh: 28 HUNG PHU JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0304753615 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30/09/2019
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (0283) 8941 228
- Số fax: (0283) 8941 688
- Email: info@28hungphu.com
- Website: www.28hungphu.com
- Mã cổ phiếu: HPU



**CHẤT LƯỢNG TỐT, GIÁ CẢ CẠNH TRANH, GIAO HÀNG ĐÚNG HẸN**





TẦM NHÌN

## SỨ MỆNH & GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### TẦM NHÌN

Luôn theo đuổi mục tiêu trở thành nhà sản xuất áo sơ mi nam nữ cao cấp hàng đầu Việt Nam và có danh tiếng trên thế giới.

### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chất lượng sản phẩm và dịch vụ quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp.

Gia tăng giá trị cho xã hội, khách hàng, người lao động và cổ đông là mục tiêu, động lực của sự phát triển bền vững của Doanh nghiệp.

Lao động sáng tạo là nền tảng của sự phát triển.

Quan hệ hợp tác, chia sẻ, cam kết và thực hiện cam kết là nền tảng văn hóa doanh nghiệp.

Thời đại và truyền thống là bản sắc của 28 Hưng Phú.

### SỨ MỆNH

Duy trì vị trí dẫn đầu và thế mạnh cạnh tranh bằng những sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao.

Xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín, chuyên nghiệp với khách hàng và đối tác.

### VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

- Thân thiện
- Chuyên nghiệp
- Năng động
- Phát triển



“**THÂN THIỆN, CHUYÊN NGHIỆP**  
**NĂNG ĐỘNG, PHÁT TRIỂN**”



# HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

1991

1991

Công ty cổ phần 28 Hưng Phú tiền thân là Xí nghiệp may 28 - cơ sở 2. Công ty được thành lập theo quyết định số 877/QĐ-CB ngày 02/12/1991 của Giám đốc Xí nghiệp. Công ty có nhiệm vụ sản xuất quân trang phục vụ quân đội và tham gia làm hàng kinh tế xuất khẩu, hạch toán phụ thuộc Xí nghiệp X28 theo chỉ đạo của Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần, nhằm đảm bảo cho Xí nghiệp X28 vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ phục vụ sản xuất quốc phòng, vừa nâng cao năng lực sản xuất hàng xuất khẩu.

1992

Trước yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất của Xí nghiệp X28, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao tính độc lập, tự chủ trong sản xuất kinh doanh ngành may mặc. Đề án tổ chức Công ty may 28 được Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần phê duyệt. Ngày 11/12/1992, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 71B/ QĐ-QP, về kiện toàn Xí nghiệp may X28 thành Công ty may 28 trực thuộc Tổng cục Hậu cần, theo đó (Xí nghiệp may 28 - cơ sở 2) được đổi tên thành Xí nghiệp may 28.2.

1998

Ngày 18/4/1998, Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần ra Quyết định số 74 – QĐDDH 16 phê duyệt cơ cấu tổ chức Công ty 28, theo đó Xí nghiệp may 28.2 được đổi tên thành Xí nghiệp 28-2 thuộc Công ty 28.

2006

Ngày 4/4/2006, Bộ Quốc phòng đã có quyết định số 758/QĐ về việc cổ phần hóa Xí nghiệp 28 – 2 thuộc Công ty 28 Tổng cục Hậu cần.

Ngày 21/9/2006, Bộ trưởng Bộ quốc phòng đã có quyết định số 2431/QĐ BQP về việc phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp 28 – 2 thuộc Công ty 28 thành CTCP 28 Hưng Phú Ngày 25/10/2006 Công ty tổ chức bán đấu giá công khai tại hội trường Tổng Công ty 28 (số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP.HCM) với kết quả: Tổng số lượng cổ phần bán được: 155.500 cổ phần. Giá đấu thành công bình quân là 10.501 đồng/cổ phần. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

2009

2019

2020

2017

Ngày 29/12/2017, Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú chính thức được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM.

2019 - Nay

Liên tiếp trong 6 năm qua (2014-2020) Công ty được tổ chức WRAP đánh giá và cấp giấy chứng nhận hoạt động sản xuất kinh doanh đúng với các nguyên tắc ứng xử theo tiêu chuẩn trách nhiệm toàn cầu về sản xuất may mặc.





# TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY

2017

- Bằng khen của UBND TP.HCM: Đã có thành tích hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố.
- Bằng khen của Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng : Đơn vị có thành tích xuất sắc trong 25 năm thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, lành mạnh, phong phú trong Quân đội” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng môi trường văn hóa” (1992-2017).
- Giấy khen của UBND Quận Gò Vấp: Đã tích cực tham gia phong trào “Hiến máu tình nguyện” năm 2017.
- Cờ thi đua của Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng: Đơn vị xuất sắc dẫn đầu trong phong trào thi đua quyết thắng.
- Bằng khen của Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng : Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện Cuộc vận động 50 năm 2017.
- Hội phụ nữ cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Bằng khen: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào phụ nữ Quân đội năm 2017.
- Công đoàn cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Bằng khen: Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn và phong trào công nhân năm 2017.
- Đoàn thanh niên cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Cờ thi đua: Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên năm 2017.

2018

- Bằng khen của Bộ Tài chính: Đã có thành tích thực hiện tốt công tác kê khai, nộp thuế năm 2017.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2016 đến năm 2017, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội, củng cố Quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2018).
- Giấy khen của Tổng Công ty 28: Đã có thành tích tốt trong sơ kết phong trào “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới” giữa giai đoạn (2016 - 2020).
- Bằng khen của Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua quyết thắng giai đoạn 2013 – 2018.
- Giấy khen của UBND Quận Gò Vấp: Đã tích cực tham gia phong trào “Hiến máu tình nguyện” năm 2018.
- Bằng khen Tổng cục Chính trị - Quân đội Nhân dân Việt Nam (QĐNDVN): Hội phụ nữ có mô hình thi đua xuất sắc trong triển khai phong trào thi đua và các cuộc vận động của Phụ nữ Quân đội 2016 – 2018.
- Cờ thi đua của Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng: Đơn vị xuất sắc dẫn đầu trong phong trào thi đua quyết thắng năm 2018.
- Công đoàn cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Cờ Thi đua: Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn và phong trào công nhân năm 2018.
- Hội phụ nữ cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Bằng khen: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào phụ nữ Quân đội năm 2018.
- Đoàn thanh niên cơ sở được Tổng cục Chính trị - QĐNDVN tặng Cờ thi đua: Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên năm 2018.







NGÀNH NGHỀ

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in);
- Sản xuất, mua bán các loại nguyên phụ liệu, vật tư, bao bì, máy móc thiết bị ngành may mặc (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi – mạ điện);
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Đại lý giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.



ĐỐI TÁC



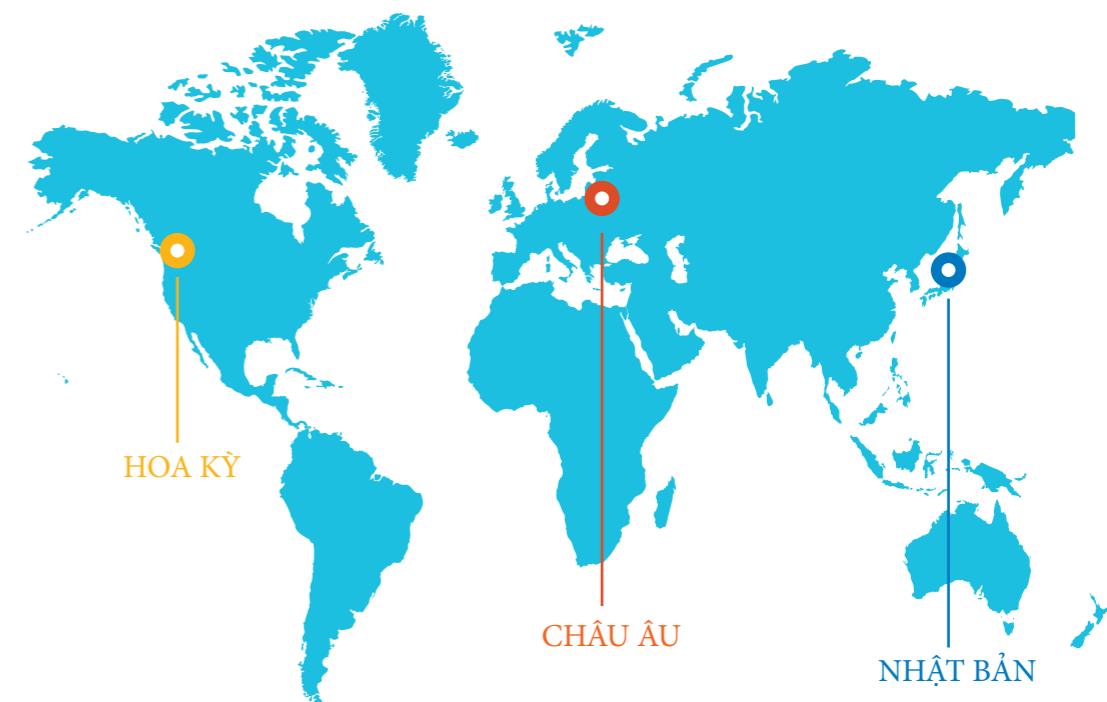
# BOSS

HUGO BOSS



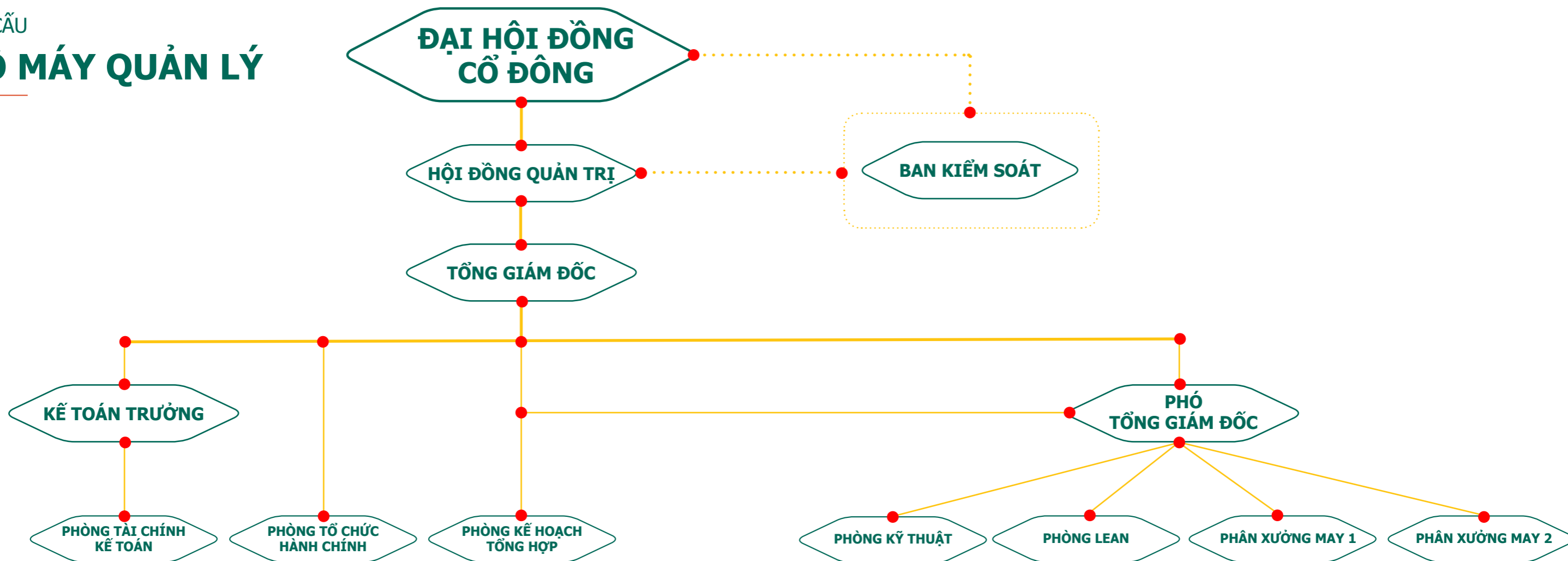
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam, đồng thời xuất khẩu sang các thị trường: Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản





# BỘ MÁY QUẢN LÝ



• **Phòng Tài chính Kế toán:** Công tác tài chính kế toán; Quản lý vốn, tài sản, công nợ; Thu chi BHXH; Quản lý chi phí về phân tích hoạt động kinh tế.

• **Phòng Tổ chức hành chính:** Tuyển dụng; Đào tạo; Hành chính; Lao động tiền lương; Bảo vệ, y tế; Đánh giá nhà máy, bếp ăn tập thể; Pháp chế; Cơ sở hạ tầng, thiết bị hỗ trợ an toàn vệ sinh lao động.

• **Phòng Kế hoạch – Tổng hợp:** Nguồn hàng, khách hàng, kinh doanh; Cân đối NPL; Xuất nhập khẩu; Cung ứng vật tư vận chuyển; Quản lý MMTB, điện động lực; Thống kê tổng hợp; Điều độ sản xuất và giao hàng.

• **Phòng Kỹ thuật:** Văn bản tài liệu kỹ thuật; QA/QC; Thiết kế; May mẫu; Order; Bảng màu; Sơ đồ; Mẫu rập.

• **Phòng Lean:** Định mức lao động; Thời gian quy trình chuẩn; Đào tạo thao tác; Bào trì MMTB; Thiết kế dây chuyền công nghệ; Xác định năng lực, năng suất, nhịp độ sản xuất; Phân tích hao phí lãng phí, hiệu suất; Áp dụng Cũ cuốn, gá lắp; Chuẩn bị sản xuất.

• **Phân xưởng may 1:** bao gồm Văn phòng xưởng; Tổ cắt; Tổ hoàn tất; Tổ may 1; Tổ may 2 - Tổ may 5A; Tổ may 3; Tổ may 4; Tổ may 5.

• **Phân xưởng may 2:** bao gồm Văn phòng xưởng; Tổ cắt; Tổ hoàn tất; Tổ may 1; Tổ may 2 - Tổ may 5A; Tổ may 3; Tổ may 4; Tổ may 5.





## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Chuẩn hóa và mở rộng phát triển các dòng sản phẩm áo sơ mi nam nữ cao cấp, khẳng định vị thế của Công ty trong lĩnh vực may mặc cả trong nước và quốc tế.
- Mang tới hệ sinh thái các sản phẩm và dịch vụ trọn vẹn cho người tiêu dùng cũng như xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín, chuyên nghiệp với khách hàng, đối tác nhằm duy trì vị trí dẫn đầu trong ngành may mặc.

## CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- **Môi trường:** Hướng đến mục tiêu phát triển xanh bằng cách hoàn thiện mô hình hoạt động sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường; hạn chế tối đa ô nhiễm nguồn đất, nguồn nước; sử dụng nguồn năng lượng sạch, tái chế; chấp hành tốt các quy định, luật bảo vệ môi trường.
- **Văn hóa:** Luôn đặt lợi ích người lao động lên hàng đầu bằng việc tạo điều kiện, môi trường làm việc an toàn, hợp tác, thân thiện giúp người lao động tránh được các tai nạn rủi ro trong quá trình làm việc; tăng hiệu quả lao động; đảm bảo sức khỏe về thể chất lẫn tinh thần. Công ty luôn hướng đến việc xây dựng một văn hóa doanh nghiệp làm việc hiệu quả, công bằng và văn minh.
- **Pháp lý:** Cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động sản xuất xuất khẩu, đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và đối tác.
- **Sản phẩm:** Tập trung xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, nâng cao tay nghề người lao động, cải thiện công nghệ trong công đoạn sản xuất nhằm tăng năng suất lao động; tạo ra những sản phẩm chất lượng; đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm nhằm đáp ứng thị hiếu, gu thẩm mỹ ngày càng đổi mới của khách hàng.



- **Về thị trường:**
  - “Duy trì vị trí dẫn đầu và thế mạnh cạnh tranh bằng những sản phẩm dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao, xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín, chuyên nghiệp với các khách hàng, đối tác”.
  - Xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần 28 Hưng phú là một thương hiệu mạnh “Đẳng cấp về chất lượng hàng cao cấp” tự chủ làm hàng FOB cấp II với nước ngoài không qua văn phòng đại diện của khách hàng, tăng cường khả năng tự thiết kế từng bước tiến lên các hình thức sản xuất cao cấp hơn ODM, OBM.
  - Đầu tư và hợp tác đầu tư liên doanh liên kết với các đơn vị cùng ngành nghề để tận dụng năng lực, mở rộng sản xuất, tiếp cận với công nghệ hiện đại, phong cách và trình độ quản lý tiên tiến.
  - Dồn mọi nguồn lực vào các thị trường mũi nhọn Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản, phát triển thêm thị trường tiềm năng khác trong nước và từng bước tiếp cận các thị trường có sức mua cao trong khu vực và trên thế giới.
- **Về ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật:**
  - Tận dụng khoa học công nghệ trong quá trình sản xuất nhằm (i) Đẩy nhanh tiến độ gia công, đáp ứng tốt đơn hàng số lượng theo đúng thời hạn, (ii) Đảm bảo chất lượng sản phẩm và tính thẩm mỹ phù hợp với xu hướng của thời đại, (iii) Tiết kiệm sức lao động, cắt giảm chi phí thuê nhân công.
  - Phát triển ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào công tác quản lý điều hành, tổ chức sản xuất. Xây dựng, áp dụng các loại hình quản lý, điều hành phù hợp với trình độ của các nước trong khu vực việc hiệu quả, công bằng và văn minh.
- **Về tổ chức và phát triển doanh nghiệp:**
  - Hoàn thiện mô hình tổ chức, sản xuất tinh gọn, tăng tính chuyên môn hoá cao trong lĩnh vực may mặc truyền thống với trình độ quản lý tiên tiến, hiện đại so với các nước trong khu vực.
  - Xây dựng và phát triển Công ty với mức tăng trưởng ổn định, bền vững và có tính cạnh tranh cao.
- **Về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:**
  - Xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia, công nhân lành nghề, tạo dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp và thân thiện nhờ các phương châm, tiêu chí, chính sách và chế độ tốt nhất.
  - Đào tạo và đào tạo lại nhằm phát triển nguồn lực con người của Công ty mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, phù hợp với cơ chế quản lý tiên tiến, đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của thị trường quốc tế.
- **Về nguồn lực tài chính:**
  - Xây dựng và phát triển nguồn lực về tài chính đủ mạnh đảm bảo vốn cho đầu tư và SXKD;
  - Khai thác triệt để mọi tiềm năng về vốn, để phát triển Công ty, nâng cao tiềm lực và khả năng cạnh tranh ở trong và ngoài nước.
- **Về đầu tư:**
  - Tiếp tục đầu tư MMTB chuyên dùng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo hướng hiện đại, công nghệ mới và tiên tiến, đáp ứng yêu cầu SXKD phát triển với tốc độ cao, đảm bảo tất cả sản phẩm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tiến độ giao hàng;
  - Đầu tư và phát triển lĩnh vực sản xuất kinh doanh: mở rộng sản xuất, cải tạo văn phòng, nhà kho, xưởng cắt...;
  - Đầu tư và hợp tác đầu tư tài chính dưới hình thức đầu tư trực tiếp: tài chính - tín dụng, ngân hàng...;

“ DUY TRÌ VỊ TRÍ DẪN ĐẦU VÀ THẾ MẠNH CẠNH TRANH BẰNG NHỮNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ ĐẠT TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG CAO, XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ LÂU DÀI, UY TÍN, CHUYÊN NGHIỆP VỚI CÁC KHÁCH HÀNG & ĐỐI TÁC. ”



## CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### RỦI RO KINH TẾ

- Dưới ảnh hưởng của dịch Covid-19, nền kinh tế toàn cầu trải qua thời kỳ tăng trưởng âm trong năm 2020. Theo Ngân hàng Thế giới (WB), nền kinh tế toàn cầu sẽ giảm khoảng 4,4%, tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc chỉ dừng ở mức 2% trong khi nền kinh tế lớn nhất thế giới Mỹ giảm 4,3%.
- Trong bối cảnh dịch Covid-19 gây ra một cú sốc lớn làm kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu suy thoái sâu và nghiêm trọng, bức tranh kinh tế – xã hội Việt Nam năm 2020 tiếp tục duy trì ổn định và đạt được những kết quả tích cực. Theo Tổng Cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam đạt mức tăng trưởng dương 2,91%, tuy không đạt được mục tiêu đề ra nhưng Việt Nam thuộc nhóm nước có mức tăng trưởng năm 2020 cao nhất thế giới. Giá trị kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đạt 71,8 tỷ USD, tăng cao 20,2% so với cùng kỳ năm trước. Riêng ngành may mặc, kim ngạch xuất khẩu đạt 22.1 tỷ USD. Bên cạnh đó, với sự điều hành chính sách tiền tệ hiệu quả của Ngân hàng Trung ương, các chỉ số như chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số lạm phát cũng được kiểm soát tốt ở dưới mức 4%.
- Diễn biến CPI tác động trực tiếp đến dòng tiền thu – chi của Công ty, lạm phát tăng sẽ làm giảm giá trị các khoản thu nhập trong tương lai và tăng chi phí sản xuất (đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công). Các yếu tố kinh tế vĩ mô không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến công ty mà còn ảnh hưởng gián tiếp. Khi kinh tế đất nước bị ảnh hưởng, nhu cầu tiêu dùng của khách hàng cũng có xu hướng bị ảnh hưởng theo. Cụ thể, khi tốc độ tăng trưởng kinh tế tại các nước đối tác của HPU như Mỹ, Anh, Nhật Bản khả quan, người dân có xu hướng quan tâm và có nhu cầu nhiều hơn đối với các mặt hàng thời trang. Điều này đóng góp tích cực vào doanh thu cũng như khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh của 28 Hưng Phú.
- Do đó, Công ty luôn cố gắng hiểu rõ thách thức mà nền kinh tế đặt ra, chuyển hóa thách thức thành cơ hội để phát triển Công ty. Ngoài việc đầu tư máy móc thiết bị, công tác quản lý doanh nghiệp, 28 Hưng Phú còn nắm vững xu hướng chuyển dịch Ngành Dệt may toàn cầu, am hiểu về Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam và Liên minh Châu Âu để tận dụng các cơ hội tốt hơn.

### RỦI RO TỶ GIÁ

- Đặc thù sản xuất của 28 Hưng Phú là nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu hàng thành phẩm, phần lớn các giao dịch của Công ty đều thông qua đồng USD, vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty chịu tác động lớn khi có biến động tỷ giá. Cụ thể, khi tỷ giá hối đoái USD/VND biến động theo chiều hướng tăng hoặc giảm sẽ gây ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn của Công ty, cũng như ảnh hưởng đến các khoản nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ.
- Hiện tại, tỷ giá USD/VND tại các ngân hàng dao động từ 23.144 – 23.175 đồng/ 1 đô la Mỹ. Theo Ngân hàng Nhà nước, cuối năm 2020 và 2021, tỷ giá USD/VND sẽ duy trì ở mức ổn định theo xu hướng đi ngang và tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng tiếp tục duy trì ở mức cao do nguồn cung ngoại tệ dồi dào. Mặc dù đây là dấu hiệu tốt cho sự phát triển của ngành may mặc xuất khẩu. Tuy nhiên, Công ty không chủ quan mà thường xuyên theo dõi những thay đổi trong tỷ giá để có những chiến lược kinh doanh phù hợp.

### RỦI RO PHÁP LUẬT

- Là một công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất xuất khẩu, 28 Hưng Phú chịu tác động bởi hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Môi trường, Luật Quốc tế, Luật Xuất nhập khẩu, Bộ luật Lao động. Theo đó, bất kỳ sự sửa đổi hay bổ sung nào trong luật và các văn bản liên quan cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Hiện nay, hệ thống pháp luật và Hiến pháp Việt Nam đang trong quá trình đổi mới và hoàn thiện nhằm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trên cơ sở phát huy nội lực, chủ động hội nhập quốc tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cụ thể, Bộ luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất của Công ty đã được cải cách và sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2021.
- Để hạn chế rủi ro pháp luật tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cam kết tuân thủ các quy định hiện hành; thường xuyên cập nhật những thay đổi trong chính sách và quy định liên quan đến ngành sản xuất dệt may để điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ phù hợp với sự thay đổi đó. Ngoài ra, Công ty cũng tranh thủ đón đầu các cơ hội từ các Hiệp định FTA bằng việc tôn trọng các nguyên tắc xuất xứ của thị trường xuất khẩu nhằm tối đa hóa lợi nhuận doanh nghiệp thông qua loại bỏ rào cản thuế quan.



## CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### RỦI RO KHÁC

- Một rủi ro bất khả kháng đang tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty là dịch Covid-19. Theo Bộ Y tế, nhanh nhất trong năm 2021 mới tiến hành thử nghiệm vaccine phòng Covid-19 lâm sàng giai đoạn II, III và đầu năm 2022 mới đi vào sử dụng. Trước tình hình đó, Công ty đã chủ động tăng cường kiểm tra, chẩn chính, bảo đảm thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch trong phạm vi quản lý, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm. Chủ động chuẩn bị các kịch bản, bảo đảm cơ sở vật chất, nhân lực đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch; thường xuyên tổ chức diễn tập, tập huấn các biện pháp ứng phó với các tình huống dịch bệnh có thể xảy ra.



## RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

### • Nguyên vật liệu:

- Phần lớn nguồn nguyên liệu đầu vào cho các doanh nghiệp dệt may ở Việt Nam đến từ thị trường ngoài nước, do nguồn cung trong nước không đủ hoặc không đáp ứng được tiêu chuẩn. Thông thường, chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 65%-70% trong cơ cấu chi phí của Công ty. Điều này đồng nghĩa với việc bất kỳ biến động nào trong giá nguyên liệu cũng tác động ít nhiều đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ngoài ra, trong thời kỳ hội nhập sâu rộng, những nguyên tắc xuất xứ như “từ vải trở đi” của Hiệp định EVFTA cũng là một rào cản trong việc cân bằng giữa chi phí và lợi nhuận của Công ty. Cụ thể, hàng dệt may khi xuất khẩu vào EU phải sử dụng vải sản xuất tại Việt Nam, việc cắt may phải được thực hiện bởi doanh nghiệp (DN) Việt Nam hoặc doanh nghiệp Châu Âu. EU chỉ cho phép sử dụng thêm vải sản xuất tại Hàn Quốc vì nước này đã có FTA song phương với EU. Điều kiện này gây khó khăn cho DN dệt may trong việc nhận ưu đãi từ Hiệp định mang lại do DN trong nước chưa chủ động sản xuất sợi và vải. Nguồn nguyên liệu này chủ yếu nhập từ những quốc gia và vùng lãnh thổ chưa có Hiệp định thương mại tự do với EU. Điều kiện này gây khó khăn cho DN dệt may trong việc nhận ưu đãi từ Hiệp định mang lại do DN trong nước chưa chủ động sản xuất sợi và vải. Nguồn nguyên liệu này chủ yếu nhập từ Trung Quốc (50%), Hàn Quốc (18%), Đài Loan (15%), trong khi cả 3 nước này không nằm trong khối EU.
- Theo đó, Công ty ký hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp để đảm bảo mức giá và nguồn cung ổn định; chủ động đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu bên ngoài để giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số nhà cung cấp. Đồng thời, Công ty cũng luôn cân nhắc kỹ càng giữa lợi ích mua nguyên vật liệu tại thị trường giá rẻ như Trung Quốc và lợi ích lá chắn thuế từ các FTAs nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

### • Nguồn nhân công:

- Đặc thù của ngành dệt may là thâm dụng lao động. Điều này đồng nghĩa Công ty chịu nhiều rủi ro liên quan đến nguồn nhân công như: (i) Yêu cầu của thị trường xuất khẩu ngày càng cao nên chất lượng nguồn nhân lực phải liên tục được cải thiện, (ii) Công ty luôn đối mặt với việc “chảy máu” nguồn nhân lực khi các doanh nghiệp dệt may có nguồn vốn dồi dào từ nước ngoài (FDI) ồ ạt đầu tư vào thị trường Việt Nam, (iii) Trong bối cảnh diễn biến dịch Covid-19 còn khó lường, Công ty cũng đối mặt với áp lực trong việc điều tiết số lượng nhân công sao cho phù hợp với lượng đơn hàng nhận được.
- Để hạn chế các rủi ro đã nêu trên, Công ty đã và đang hoàn thiện các chính sách giữ chân người lao động như cải thiện lương thưởng, đãi ngộ, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, tuyển dụng nội bộ. Đặc biệt, trong Cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0, Công ty áp dụng chính sách “thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động”, tăng cường đầu tư thiết bị chuyên dụng, tự động hóa máy móc thiết bị, nâng cao kỹ năng trong lao động trực tiếp và gián tiếp, gia tăng năng suất lao động, giảm cường độ lao động.





PHẦN II

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình chung ngành dệt may
- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- Tình hình cổ đông & thay đổi vốn chủ sở hữu
- Báo cáo tác động tới môi trường và xã hội



# CHUNG NGÀNH DỆT MAY

## TÌNH HÌNH QUỐC TẾ

- Theo Bộ Công Thương, kim ngạch xuất khẩu ngành may mặc Việt Nam năm 2020 ước đạt 35,27 tỷ USD, giảm khoảng 9,29% so với năm 2019, trong bối cảnh tổng cầu dệt may thế giới giảm 25%. Do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, nhiều thị trường xuất khẩu truyền thống như Mỹ, EU, Nhật Bản đã giảm hoặc hủy đơn hàng, đây là nguyên nhân chính khiến kim ngạch xuất khẩu 2020 không thể hoàn thành mục tiêu đề ra là 40 tỷ USD.
- Dịch bệnh bùng phát khiến các nhà cung cấp dệt may toàn cầu đều bị tác động tiêu cực, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng là khác nhau. Tại Mỹ, Việt Nam là nhà cung cấp ít bị ảnh hưởng nhất. Trong số 3 đối tác nhập khẩu hàng may mặc lớn nhất của Mỹ là Trung Quốc, Bangladesh và Việt Nam, thì giá trị nhập khẩu từ Việt Nam có mức giảm thấp nhất, từ đó, giúp Việt Nam gia tăng thị phần hàng may mặc tại Mỹ. Lần đầu tiên sau nhiều thập kỷ, Việt Nam chiếm trên 20% thị phần hàng may mặc tại thị trường Mỹ.

## TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

- Tình trạng giãn/hủy đơn hàng khiến doanh thu của các doanh nghiệp bị sụt giảm mạnh, giảm từ 10 – 30% yoy. Lợi nhuận sau thuế thậm chí còn sụt giảm mạnh hơn (giảm từ 20 – 80% yoy), nguyên nhân do các doanh nghiệp vẫn phải thanh toán các khoản chi phí cố định để vận hành nhà máy trong khi không có đơn hàng sản xuất, đặc biệt là chi phí lương nhân công.
- Một số doanh nghiệp như CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) hay CTCP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công (HSX: TCM) đã linh hoạt chuyển đổi sản xuất và tìm được các đơn hàng xuất khẩu khẩu trang vải và đồ bảo hộ y tế, giúp bù đắp một phần đơn hàng may mặc bị thiếu hụt nên có mức sụt giảm doanh thu thấp hơn. Đặc biệt, nhờ ký được các đơn hàng sản phẩm phòng dịch với tỷ suất lợi nhuận cao hơn sản phẩm may mặc truyền thống mà lợi nhuận sau thuế 9T/2020 của TCM thậm chí đã tăng trưởng 31% so với cùng kỳ.

## TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Covid-19: Ngay đầu tháng 2/2020 (Sau tết âm lịch) tình hình dịch bệnh Covid-19, bạo lực ở Mỹ (5/2020) đến nay liên tục diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác sản xuất kinh doanh và công tác quản lý của Công ty. Đặc biệt, nghiêm trọng là bắt đầu từ tháng 3/2020 đến nay, khách hàng liên tục gửi Email thông báo về tình hình có sự thay đổi về đơn hàng; Khách hàng xuất khẩu lớn Itochu và một số khách hàng của Công ty bắt đầu thông báo hủy/giảm đơn hàng hàng loạt; dừng cắt; dừng may; dừng xuất liên tục và dừng thanh toán.
- Lao động trực tiếp sản xuất biến động giảm liên tục.
- Chi phí sản xuất tăng, giá CM có chiều hướng giảm; ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất – kinh doanh.
- Thiếu việc làm trong tháng 4,5 nên bù tiền lương để giữ lao động.
- Khách hàng chính là Prominent giảm sản lượng rất nhiều (bằng 65% năm 2019). Mặc dù đã có nhãn hàng mới bổ sung nhưng số lượng nhỏ lẻ, yêu cầu chất lượng rất khắt khe.





# HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

CHỈ TIÊU	2019 triệu đồng	2020 triệu đồng	TĂNG/GIẢM
Tổng doanh thu	461.846,13	358.474,74	-22,38%
Giá vốn hàng bán	424.409,33	324.019,27	-23,65%
Lợi nhuận gộp	37.436,80	31.338,06	-16,29%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.995,59	3.051,21	52,90%
Lợi nhuận trước thuế	11.612,42	4.570,02	-60,65%
Lợi nhuận sau thuế	9.724,79	4.095,40	-57,89%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	20%	10%	-50%

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

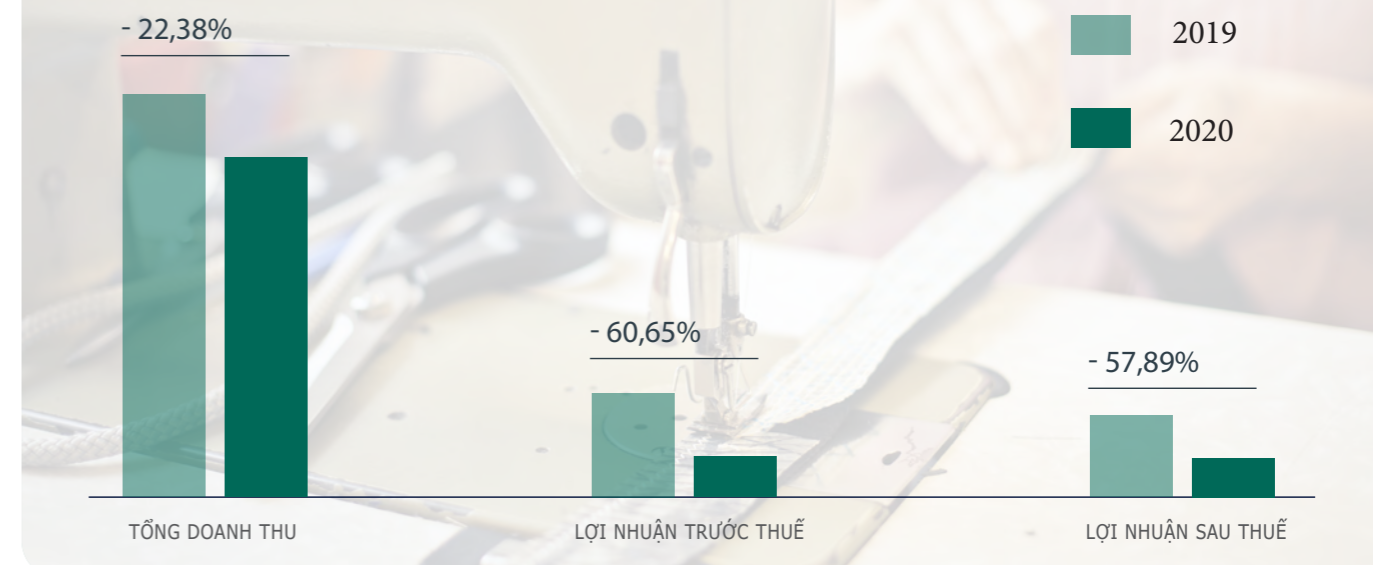
CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH 2020	THỰC HIỆN 2020	TỶ LỆ HOÀN THÀNH
Tổng doanh thu	345.000,00	358.474,74	103,91%
Lợi nhuận trước thuế	4.500,00	4.570,02	101,56%
Lợi nhuận sau thuế TN	3.998,00	4.095,40	102,44%

Năm 2020, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không diễn ra thuận lợi khi tình hình dịch Covid-19 bùng phát mạnh trong nước và ngoài nước, đặc biệt là các thị trường xuất khẩu chính của Công ty như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản.

Kết thúc năm tài chính 2020, tổng doanh thu của HPU đạt 358.474 triệu đồng, giảm 22,38% so với cùng kỳ năm 2019, nguyên nhân chủ yếu do tình trạng giãn/ hủy hoặc không có đơn hàng sản xuất, trong khi doanh nghiệp phải thanh toán các chi phí vận hành, đặc biệt là chi phí tài chính (tăng hơn 32%), chi phí bán hàng (tăng hơn 12%), chi phí nhân công. Việc doanh thu giảm trong khi các chi phí vận hành tăng mạnh khiến cho lợi nhuận gộp trong năm 2020 của Công ty giảm 16,29%, kéo theo các chỉ tiêu về lợi nhuận như lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế giảm lần lượt 60,65% và 57,89%, tuy nhiên, vẫn vượt kế hoạch đặt ra.

Điểm sáng của doanh nghiệp trong năm 2020 là hoạt động tài chính, khi danh mục này đem về hơn 3 tỷ đồng, tăng hơn 50% so với năm ngoài.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH





# HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

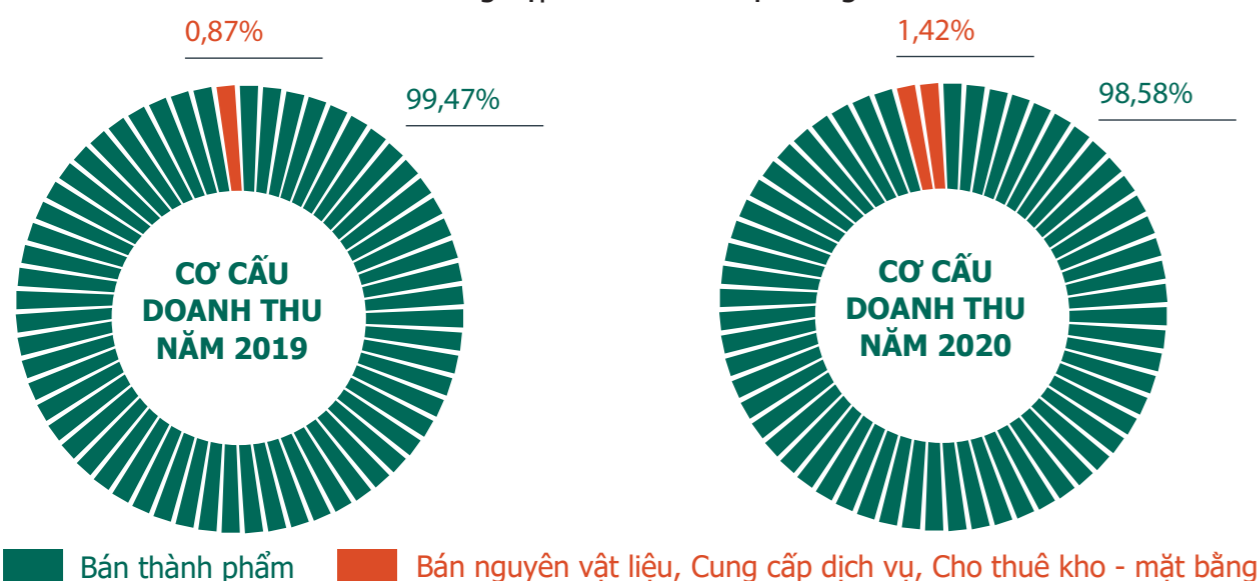
## CƠ CẤU DOANH THU THEO NHÓM SẢN PHẨM

YẾU TỐ	2019 (triệu đồng)	TỶ TRỌNG	2020 (triệu đồng)	TỶ TRỌNG
Bán thành phẩm	459.315	99,47%	351.229	98,58%
Bán nguyên vật liệu	577	0,12%	352	0,10%
Cung cấp dịch vụ	308	0,07%	819	0,23%
Cho thuê kho, mặt bằng	3.170	0,68%	3.868	1,09%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>463.371</b>	<b>100%</b>	<b>356.269</b>	<b>100%</b>

Về cơ cấu doanh thu, nguồn thu của Công ty năm 2020 phần lớn đến từ bán thành phẩm áo sơ mi nam, nữ (chiếm 98% tổng doanh thu), không có sự chuyển dịch đáng kể so với năm 2019. Ba nguồn thu còn lại của doanh nghiệp bao gồm bán nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ và cho thuê kho, mặt bằng chiếm lần lượt 0,10%, 0,23% và 1,09% tổng doanh thu.

Cuối T3/2020, dịch lan rộng sang Mỹ và EU (thị trường chính của HPU) khiến tình hình tiêu thụ hàng may mặc ở hai thị trường này sụt giảm mạnh. Các khách hàng lớn tại 2 thị trường này như Itochu Prominent giảm/hủy đơn hàng khiến cho doanh thu bán hàng hóa của Công ty đã giảm đáng kể so với năm 2019 (-23,5%). Đáng chú ý, năm nay tỷ trọng doanh thu mảng kinh doanh cung cấp dịch vụ và bất động sản tăng trưởng tích cực, tăng lần lượt 165% và 22% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tỷ trọng của 2 mảng này còn rất nhỏ so với tổng doanh thu nên không thể bù đắp thiệt hại từ dịch Covid-19 đến mảng kinh doanh cốt lõi của HPU.

Nhìn chung, việc tăng trưởng âm về mặt doanh thu và lợi nhuận là xu hướng chung của toàn ngành may mặc Việt Nam chứ không riêng 28 Hưng Phú. Với kịch bản dịch bệnh được kiểm soát tốt; nhiều Hiệp định thương mại tự do đi vào hiệu lực; chuỗi cung ứng toàn cầu liên kết trở lại, sẽ giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khởi sắc trở lại trong năm 2021.



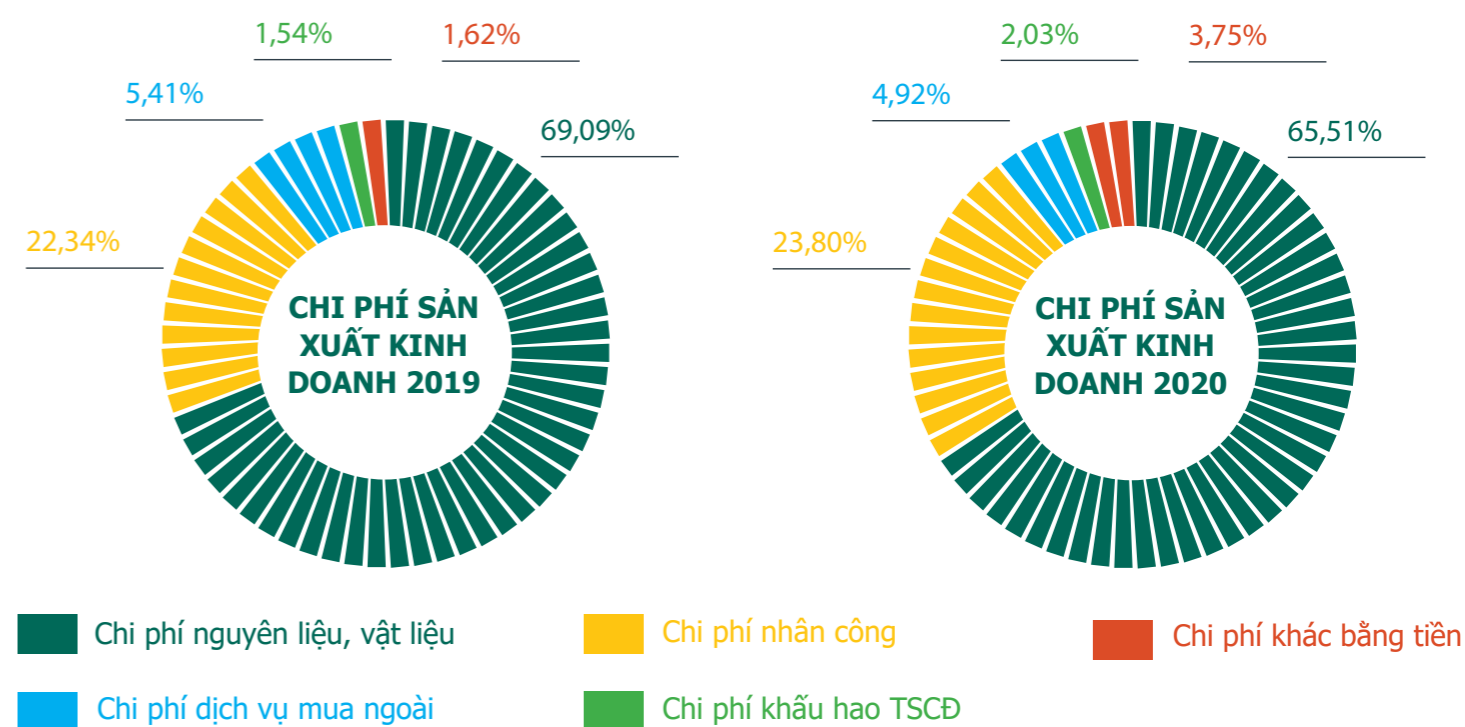
## CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

CHỈ TIÊU	2019 (triệu đồng)	TỶ TRỌNG	2020 (triệu đồng)	TỶ TRỌNG
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314.679	69,09%	228.488	65,51%
Chi phí nhân công	101.733	22,34%	83.000	23,80%
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.995	1,54%	7.064	2,03%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.646	5,41%	17.142	4,92%
Chi phí khác bằng tiền	7.389	1,62%	13.069	3,75%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>455.442</b>	<b>100%</b>	<b>348.765</b>	<b>100%</b>

Với đặc thù ngành dệt may, nguyên vật liệu là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất của HPU nói riêng và các doanh nghiệp may mặc nói chung. Chi phí này chiếm tỷ trọng bình quân 65 – 70% tổng chi phí sản xuất hàng năm của HPU, cụ thể năm 2019 và 2020, tỷ trọng này duy trì lần lượt ở mức 69% và 65% tổng chi phí. Tình trạng giãn/ hủy đơn hàng, cộng với Cú sốc cung – các doanh nghiệp dệt may Việt Nam chịu thiếu hụt nguyên liệu sản xuất do các nhà máy Trung Quốc (thị trường nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may lớn nhất của Công ty) ngưng hoạt động trong quý I/2020 là các nguyên nhân chính khiến chi phí NVL giảm trong năm.

Chi phí nhân công chiếm tỷ trọng cao thứ 2 trong tổng chi phí, và phụ thuộc vào chính sách tăng lương tối thiểu vùng (năm 2020 mức lương tối thiểu vùng mới tăng từ 5,1% - 5,7%). Việc bù tiền lương để giữ lao động do thiếu việc làm trong tháng 4,5 khiến cho tỷ trọng chi phí tăng so với năm trước (+1,46%) và là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận ròng của Công ty tăng trưởng âm trong năm 2020.

Đột biến nhất trong cơ cấu chi phí là khoản chi phí khác tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ, tiêu tốn khoảng 13 tỷ đồng của doanh nghiệp, cũng là một trong các cơ sở khiến cho mức lãi của HPU năm nay suy giảm.





# TỔ CHỨC NHÂN SỰ

## DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Lê Đức Khiêm	Tổng Giám đốc	319.920	16,00%
Vũ Sĩ Nam	Phó Tổng Giám đốc	159.960	8,00%
Tăng Hùng	Kế toán trưởng	-	-

## THÔNG TIN VỀ BAN ĐIỀU HÀNH

### Ông LÊ ĐỨC KHIÊM

<b>Chức vụ</b>	Tổng Giám đốc
<b>Năm sinh</b>	1973
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	

- 07/2002 – 02/2003 Nhân viên Tài chính – Hành chính thuộc Cơ quan đại diện của Công ty 28 tại Đà Nẵng sau này là chi nhánh Đà Nẵng thuộc Công ty 28.
- 02/2003 - 06/2004 Phụ trách Phòng nghiệp vụ chi nhánh Đà Nẵng thuộc Công ty 28
- 06/2004 - 01/2005 Phụ trách Phó Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng thuộc Công ty 28
- 01/2005 - 12/2008 Quyền Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng thuộc Công ty 28
- 12/2008 - 06/2009 Tổng giám đốc Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng - thuộc Công ty 28
- 06/2009 - 06/2014 Kế toán trưởng - Tổng công ty 28
- 06/2014 - 06/2016 Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú - Tổng công ty 28
- 06/2016 – 07/2016 Phó Tổng Giám đốc công ty CP Bình Phú - Tổng công ty 28
- 07/2016 - 03/2019 Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Bình phú - Tổng công ty 28
- 03/2019 – 09/2019 Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi - Tổng công ty 28
- 10/2019 - nay Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú - Tổng công ty 28

### Ông VŨ SĨ NAM

<b>Chức vụ</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Năm sinh</b>	1973
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	

- 05/1999 – 09/1999 Nhân viên kế toán Công ty Xuân Mai – Tổng cục kỹ thuật
- 10/1999 – 06/2000 Nhân viên kế toán trưởng Cao đẳng Kỹ thuật Vinhempish – Tổng cục kỹ thuật
- 07/2000 – 08/2007 Nhân viên Marketing Phòng Thị trường Công ty 28 – Tổng cục Hậu cần
- 09/2007 – 04/2010 Nhân viên Kinh doanh Xí nghiệp may đo Công ty 28 – Tổng cục Hậu cần
- 05/2010 – 02/2012 Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Xí nghiệp may đo Công ty 28 – Tổng cục Hậu cần
- 03/2012 - 07/2018 Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp Công ty Cổ Phần 28 Hưng Phú
- 08/2018 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần 28 Hưng Phú

### Ông TĂNG HÙNG

<b>Chức vụ</b>	Kế toán trưởng
<b>Năm sinh</b>	1974
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	

- 09/1997 - 2000 Nhân viên kế toán Xí nghiệp 2 - Công ty May 28
- 01/2001 - 06/2014 Nhân viên kế toán Tổng công ty 28
- 07/2014 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP 28 Hưng Phú





# TỔ CHỨC NHÂN SỰ

## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HĐQT, BKS & BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2020

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Tăng Hùng	Người phụ trách quản trị kiêm thư ký	Bổ nhiệm ngày 23/06/2020
Vũ Sĩ Nam	Người phụ trách quản trị kiêm thư ký	Miễn nhiệm ngày 23/06/2020
Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/06/2020
Bùi Văn Bắc	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 23/06/2020
Nguyễn Việt Phong	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 23/06/2020
Nguyễn Văn Kiên	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2020
Lữ Công Thịnh	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 23/06/2020
Trần Thị Mỹ	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 23/06/2020

## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ - NHÂN VIÊN

TÍNH CHẤT PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ TRỌNG
Theo giới tính	648	100%
Nam	153	23,61%
Nữ	495	76,39%
Theo trình độ	648	100%
Trên đại học	02	0.31%
Đại học, cao đẳng	83	12.81%
Trung cấp	15	2.31%
Lao động phổ thông	548	84.57%
Theo tính chất hợp đồng lao động	648	100%
Hợp đồng không thời hạn	586	90,43
Hợp đồng xác định từ 1- 3 năm	62	9,57%

## CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Công ty thường xuyên đảm bảo đủ việc làm, cải thiện điều kiện và môi trường làm việc, nâng cao thu nhập người lao động; ký hợp đồng lao động, trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm, thưởng tháng 13 theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra, Công ty ban hành chính sách lương thưởng đặc biệt cho các cá nhân, tập thể lao động có thành tích xuất sắc nhằm giữ chân người lao động.

Dựa trên các tiêu chí đánh giá năng lực (ASK), tiêu chí đánh giá thành tích (KPI) tiến hành soát xét cho từng vị trí công việc nhằm xác định rõ trách nhiệm công việc, mối quan hệ và tính hiệu quả của từng thành viên.

Công ty đảm bảo 100% CBCNV được hưởng chính sách BHYT, BHXH, BHTN, Bảo hiểm Thất nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động; hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trợ cấp tang lễ, chế độ công tác phí, xe đưa rước công nhân đi làm, trợ cấp tiền xăng... Ngoài ra, người lao động còn có chế độ trợ cấp đột xuất, ốm đau, tai nạn, hiếu hỷ, phúng viếng... theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

Bên cạnh nỗ lực nâng cao đời sống vật chất của nhân viên, Công ty cũng thường xuyên quan tâm đến đời sống tinh thần bằng việc tổ chức các tour du lịch nghỉ mát trong và ngoài nước mỗi năm một lần, tổ chức các sự kiện thể thao giải trí, chương trình văn nghệ, các hoạt động do Công đoàn, Đoàn Thanh niên tổ chức; trích các nguồn quỹ để tặng quà, động viên người lao động trong các dịp lễ, Tết.

### Chính sách đào tạo và phát triển:

Trong bối cảnh Việt Nam gia nhập chuỗi giá trị toàn cầu, các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may được đòi hỏi phải nâng cao chất lượng nguồn lao động nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của thị trường quốc tế. Theo đó, Công ty chủ động nâng cao mặt bằng CBCNV bằng công tác đào tạo nội bộ, đào tạo tại chỗ, các lớp chuyên môn nghiệp vụ dành cho các cán bộ trẻ, các lớp đào tạo ngắn hạn về quản lý, pháp luật.

28 Hưng Phú cũng chú trọng công tác tuyển dụng bằng cách đề ra những tiêu chuẩn rõ ràng đối với từng vị trí, chức vụ; đảm bảo tất cả cán bộ quản lý điều hành – đầu tàu của lực lượng lao động, có đủ phẩm chất lãnh đạo, trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết trình, trình độ ngoại ngữ, tin học.

Đào tạo và sử dụng hiệu quả công nhân cơ động của hai phân xưởng, đồng thời tích cực triển khai đào tạo nâng cao tay nghề công nhân trong chuyên theo phương pháp demo để tăng năng suất lao động theo mục tiêu từng giai đoạn.

### Chính sách an toàn lao động:

Công ty đảm bảo người lao động của mình được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, được cấp phát những dụng cụ làm việc, máy móc, thiết bị bảo hộ đảm bảo chất lượng theo quy định. Bên cạnh đó, Công ty còn thành lập ban an toàn vệ sinh lao động thường xuyên kiểm tra, vận động công nhân viên chấp hành tốt các quy định về toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc.





**CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**Chính sách đối với công nhân mới và người giới thiệu**

a) Đối với công nhân mới

- Được tổ chức Đoàn thanh niên giới thiệu và tìm giúp nhà trọ
- Được đào tạo thành thạo công việc và không phải đóng tiền học phí.
- Được hỗ trợ tiền lương trong quá trình đào tạo: 80.000 đồng/ngày
- Được thưởng bình xét A, B, C, D hàng tháng (700.000 đồng/tháng)
- Được thưởng lương tháng 13, thưởng tết, tiền lì xì đầu năm, thưởng các ngày lễ như: 01/1; 10/3; 30/4; 01/5; 02/9; 02/12; thưởng thi đua...; theo quy định của công ty.
- Được hỗ trợ lương sản phẩm tối thiểu: 4.966.000 đồng/tháng theo quy định của công ty (sau khi ký HĐLĐ không xác định thời hạn).
- Thưởng 700.000 đồng/lao động áp dụng cho thợ may có tay nghề tự nguyện đến công ty và công nhân cũ có tay nghề may nghỉ việc sau 1 năm quay lại làm việc đủ 3 tháng trở lên ( có xác nhận của phòng Lean về kết quả kiểm tra tay nghề)
- Được thưởng các chế độ chính sách khác theo quy định của công ty.

b) Đối với người giới thiệu lao động cho công ty

- Đối với thợ may có tay nghề:
- + Mức 3.000.000 đồng/ lao động áp dụng cho thợ may có tay nghề được chi trả chia làm 2 đợt:
- Đợt 1: 1.500.000 đồng/ lao động sau 3 tháng người lao động còn làm việc tại công ty
- Đợt 2: 1.500.000 đồng/ lao động sau 6 tháng người lao động còn làm việc tại công ty ( Có xác nhận của phòng lean về kết quả kiểm tra tay nghề)
- Lao động thợ may có tay nghề là lao động trong vòng 3 tháng kể từ lúc vào làm việc tại công ty lương sản phẩm phải đạt ít nhất bằng 75% mức lương tối thiểu hiện tại của công ty (4.966.000 đồng). Hàng tháng, phòng Lean có trách nhiệm sát hạch kiểm tra tay nghề của công nhân mới.

c) Đối với lao động gắn bó

- Thưởng đối với CB-CNV, người lao động có mặt làm việc tại công ty đến ngày 31/12/2020 và tiền thâm niên được thanh toán vào ngày 31/12/2020 (không bao gồm người đã có đơn xin nghỉ việc tính đến ngày 31/12/2020 như sau:
- CB-CNV, người lao động vào công ty làm việc từ 31/12/2019 trở về trước được thưởng 4.000.000 đồng/người.
- CB-CNV, người lao động vào công ty làm việc từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 được thưởng theo số tháng thực tế. VD: Công nhân A vào tháng 3/2020 thì tiền thâm niên được tính như sau: 4.000.000 /12 x 9 tháng = 3.000.000 đồng.

**CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỞNG 2020**

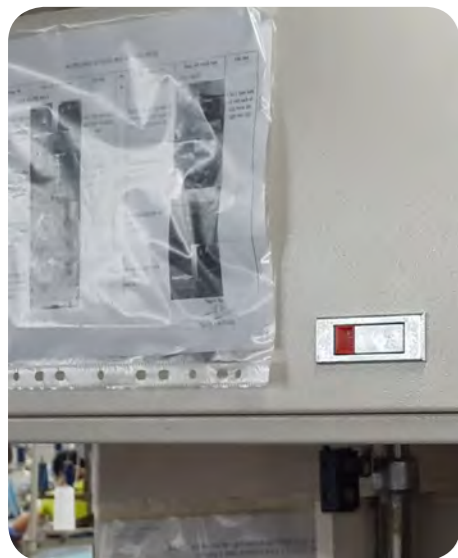
Tiền lương tết	1 tháng
Tiền lương tháng 13	0,5 tháng
Tiền lễ 400.000 đ/ngày ( 10/3, 30/4, 1/5, 2/9)	2.000.000
Tiền tết tây+đi làm ngày đầu năm (500,000đ/ ngày)	1.000.000
Tiền HTKH	700.000
Thưởng cá nhân đạt xuất sắc so với QT	30.000- 50.000 đ/ lần
Thưởng phong trào thi đua quý (125.000.000/quý)	125.000.000
Trích lương công nhân cơ động (3 triệu x 34 người)	3.000.000 đ/ người/tháng
Tiền thưởng chuyên cần hàng tháng	700.000-900.000
Trả lương khoán 3 Người quản lý	94.600.000
Trả lương khoán 6 người bốc xếp, cây cảnh	30.820.000
Trả lương khoán 80 CN cắt	2.234 đ/sp
Trả lương CN may	215 đ/phút
Lương nghỉ phép	12 ngày/ người/ năm+ thâm niên nếu có
Lương nghỉ phép CN có độc hại	14ngày/ người/ năm+ thâm niên nếu có
Lương nghỉ lễ ( trả theo lương đóng BHXH)	10 ngày/ người/ năm
Lương kinh nguyệt (30 phút x 4 ngày= 0,25 công/ người nữ)	0,25 công/ người/ tháng
Lương con nhỏ dưới 6 tuổi	10000 đ/ cháu
Lương thai sản từ 7 tháng trở xuống và nuôi con nhỏ dưới 1 tuổi	được trả 1 tiếng/ ngày





# ĐẦU TƯ & THỰC HIỆN DỰ ÁN

DANH MỤC	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ	GHI CHÚ
Máy in phun sơ đồ, khổ 1.8m, 2 đầu	1 Cái	255.000.000đ	Quý II
Máy 2 kim móc xích Juki, MH - 380KU	3 Cái	256.500.000đ	Quý II+III
Máy cắt KM 8" KS-AU 152011S	2 Cái	67.000.000đ	Quý II
Máy 2 kim cuốn sườn Juki, MS-1190M	2 Cái	254.000.000đ	Quý II
Máy 1 kim xén điện tử Juki DLM 5400N	4 Cái	356.000.000đ	Quý III
Máy 2 kim băng điện tử Brother NEIXIO	2 Cái	154.000.000đ	Quý III
Máy cắt rập mica JWEI 4001-000-128	1 Cái	220.000.000đ	Quý III
Máy lập trình quay cổ, xén KISAE GC 913	1 Cái	252.000.000đ	Quý III
Máy may nhãn JUKI AMS-210EN-S2516	1 Cái	398.000.000đ	Quý III
Máy may nẹp áo 4 kim Kansai DFB-1404	2 Cái	70.000.000đ	Quý III
Máy nén khí trực vít DENAIR DA-37	1 Cái	258.000.000đ	Quý III
Máy tách ẩm DENAIR DAD-8HTF	1 Cái	71.000.000đ	Quý III
Máy vắt sổ 2 kim 5 chi JUKI MO6716DA	4 Cái	292.000.000đ	Quý III
Máy ép phom áo Macpi 289.10 - 139545	1 Cái	2.674.000.000đ	Quý IV
Máy ép nẹp Maica 1005 SM 708	1 Cái	820.000.000đ	Quý IV
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27 Bộ</b>	<b>6.397.500.000đ</b>	

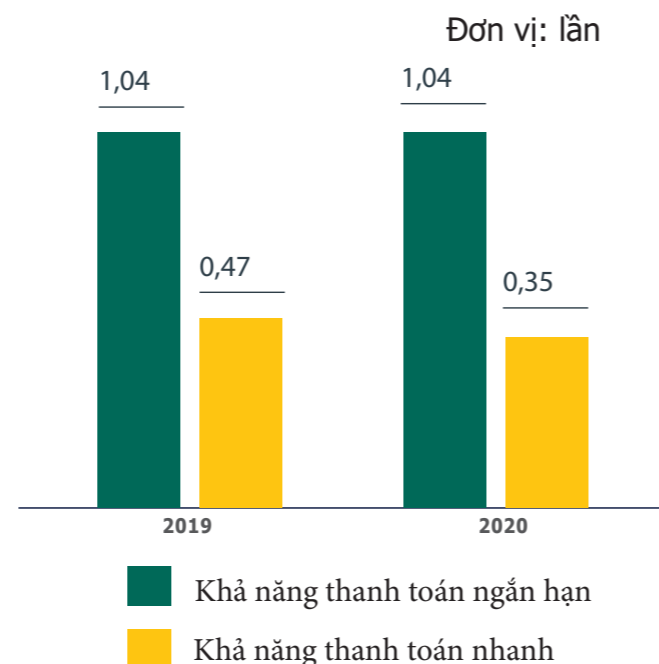




CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Năm 2019	Năm 2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,04	1,04
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,47	0,35
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	78,94%	75,59%
Hệ số Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	374,79%	309,62%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,39	4,30
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,64	2,28
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,22	1,27
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,11	1,15
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	27	12
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	6	3

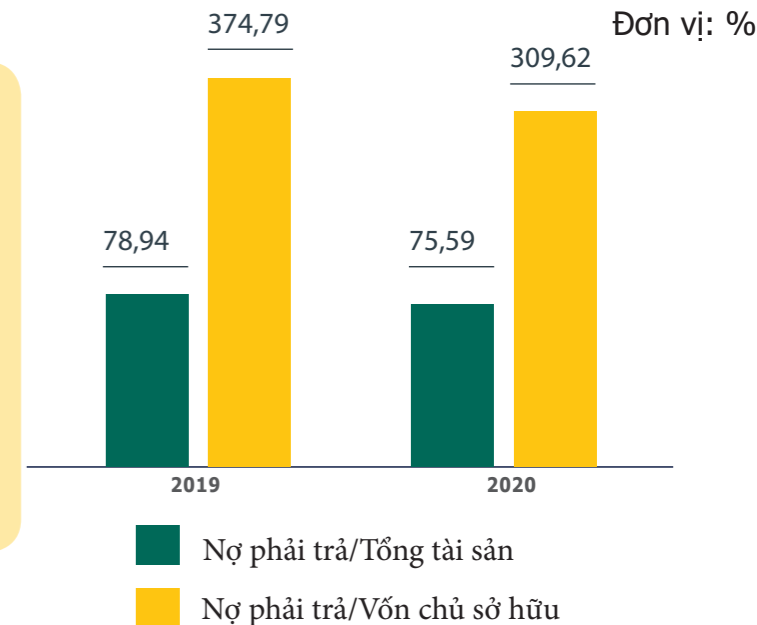
## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Năm 2020, chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty không thay đổi khi duy trì ở mức 1,04 và khả năng thanh toán nhanh giảm không đáng kể, từ 0,47 lần năm 2019 xuống còn 0,35 lần trong năm nay. Việc chỉ số thanh toán luôn giữ trên mức 1 qua các năm cho thấy khả năng thanh khoản của HPU vẫn duy trì ở mức ổn định. Các chỉ tiêu về hàng tồn kho, phải thu khách hàng và nợ ngắn hạn trong năm đều giảm lần lượt 5,42%, 50,33% và 22,73%, cho thấy Ban Lãnh đạo Công ty đã có những chính sách bán hàng phù hợp, thích ứng kịp thời với tình hình dịch bệnh Covid-19.

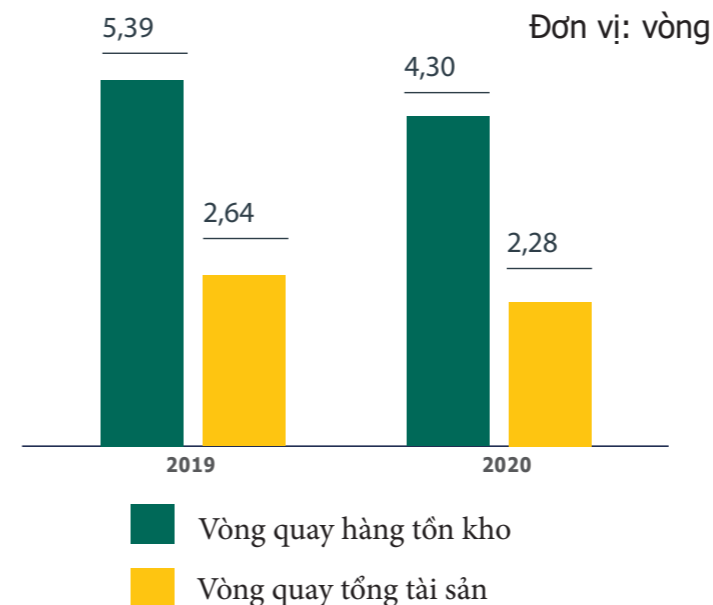


## CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều giảm so với cùng kỳ tuy nhiên vẫn duy trì ở mức khá cao. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm còn 75,59% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 3,09 lần. Mặc dù phần lớn tài sản của Công ty đều được tài trợ bởi các khoản nợ, nhưng trong đó 53% là nợ vay ngắn hạn chịu lãi ngân hàng và không có các khoản nợ vay dài hạn. Điều này đồng nghĩa Công ty không chịu nhiều gánh nặng lãi vay (chi phí lãi vay chỉ chiếm khoảng 7% trên tổng chi phí hoạt động của doanh nghiệp).



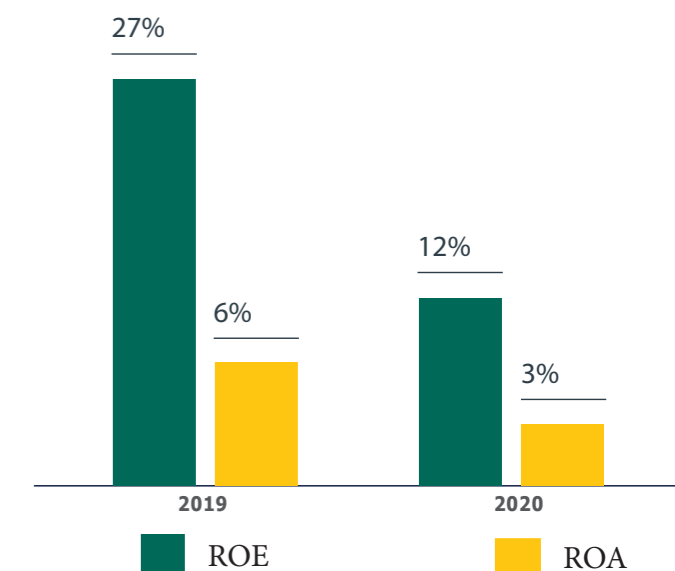
## CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty sụt giảm so với năm 2019 khi vòng quay hàng tồn kho giảm từ 5,39 vòng xuống còn 4,30 vòng, do hoạt động kinh doanh trong năm gặp nhiều khó khăn dưới ảnh hưởng của dịch Covid-19. Vòng quay tổng tài sản theo đó cũng giảm khi 1 đồng tài sản chỉ tạo ra 2,28 đồng doanh thu (so với con số 2,64 năm 2019). Tuy nhiên, so với mức trung bình ngành, các chỉ số về năng lực hoạt động của HPU vẫn duy trì ở mức ổn định và trong tương lai, khi vắc-xin Covid-19 được chế tạo và tình hình dịch bệnh được kiểm soát, năng lực hoạt động của Công ty sẽ tăng trưởng trở lại.

## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, doanh thu giảm so với cùng kỳ, cộng với các chi phí hoạt động của doanh nghiệp cũng tăng đã ảnh hưởng đến biên lợi nhuận gộp của Công ty, mặc dù chỉ số đòn bẩy đã được cải thiện từ 4,8 lần xuống chỉ còn 4,4 lần. Điều này dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều giảm so với cùng kỳ. Cụ thể, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đã giảm từ 27% (năm 2019) xuống còn 12% năm 2020; chỉ số ROA cũng giảm một nửa so với cùng kỳ, xuống chỉ còn 3%.





# THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

## THÔNG TIN CỔ PHẦN TẠI THỜI ĐIỂM 30/12/2020

<b>Vốn điều lệ công ty</b>	20.000.000.000 đồng
<b>Tổng số lượng cổ phiếu phát hành</b>	2.000.000 cổ phiếu
<b>Loại cổ phiếu</b>	Cổ phiếu phổ thông
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	0 Cổ phiếu
<b>Mệnh giá</b>	10.000 đồng/cổ phiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM 30/12/2020

ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ NẪM GIỮ
<b>Cổ đông nhà nước</b>	191	2.000.000	100%
Nhà nước	01	1.066.400	53,32%
Cá nhân	190	933.600	46,68%
<b>Cổ đông nước ngoài</b>			
Tổ chức	-	-	-
Cá nhân	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	191	2.000.000	100%

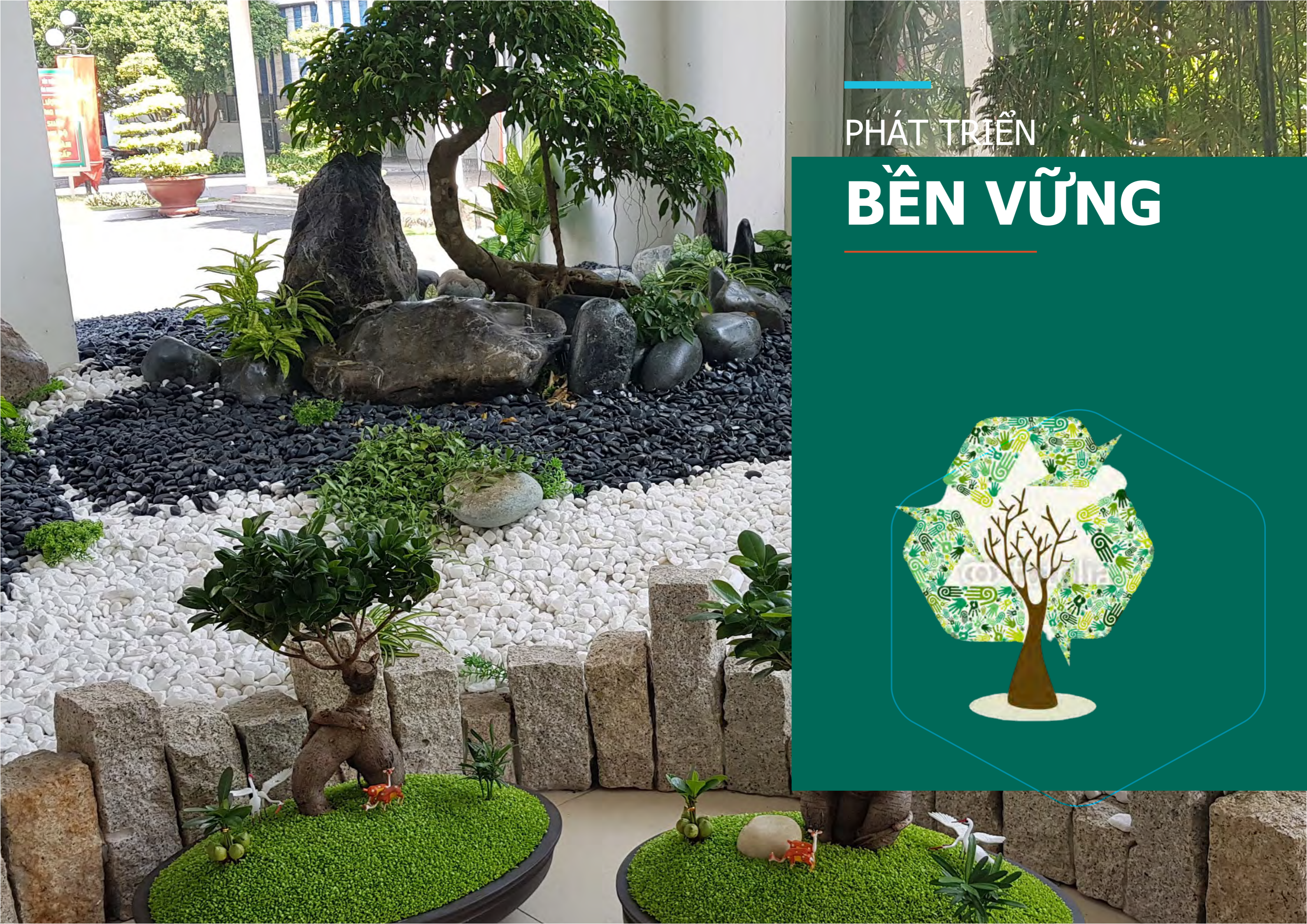


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



PHÁT TRIỂN

**BỀN VỮNG**





## QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Trong quá trình sản xuất của HPU, việc quản lý nguyên vật liệu là công tác rất cần thiết đối với các doanh nghiệp sản xuất. Trong những năm qua, công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty được đánh giá tốt, các bộ phận nghiệp vụ liên quan đã đạt được sự hiệu quả từ công tác thu mua đến quản lý sử dụng, hạn chế được sự thất thoát và tiết kiệm chi phí hoạt động.

Chi phí nguyên vật liệu sản xuất theo đúng định mức Công ty đã ban hành: Thường xuyên theo dõi, rà soát tình hình thực hiện tiêu hao vật tư, nguyên phụ liệu, nhiên liệu động lực trong sản xuất cho từng loại sản phẩm, nghiên cứu điều chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật để tiết giảm chi phí trong sản xuất. Đầu tư, nghiên cứu kết hợp với tham quan một số đơn vị cùng ngành, thực hiện tiết kiệm định mức nguyên liệu bằng các biện pháp đi sơ đồ ghép, độ dài bàn trải, đặc biệt là các loại nguyên liệu sọc, caro với chu kỳ lớn.

## QUẢN LÝ TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

### Tiêu thụ điện:

Theo báo cáo của Bộ Công thương, nhu cầu tiêu thụ điện của Việt Nam giai đoạn 2020 – 2025 tăng mạnh trong khi nguồn cung không đáp ứng dẫn đến nguy cơ thiếu điện nghiêm trọng, do trong 62 dự án nhà máy điện có công suất lớn trên 200MW thì có đến 47 dự án chậm tiến độ hoặc chưa xác định tiến độ so với tiến độ nêu trong Quy hoạch điện VII. Mặt khác, hệ thống điện dự phòng hầu như không còn đến đầu năm 2020 và bắt đầu từ năm 2021 sẽ xảy ra tình trạng thiếu hụt điện nghiêm trọng (ước tính thiếu hụt khoảng 10 – 20 tỷ kWh vào năm 2025) và Việt Nam phải tăng nhập khẩu điện từ Trung Quốc trong các năm tới.

Là một công ty nhà nước, CTCP 28 Hưng Phú hiểu rằng việc thực hiện tốt nghĩa vụ tiết kiệm điện trong quá trình sản xuất kinh doanh không chỉ đóng góp vào lợi nhuận của Công ty nói riêng mà còn đóng góp vào lợi ích quốc gia nói chung. Theo đó, tiết kiệm điện được đưa vào mục đánh giá hiệu quả lao động (KPI) nhằm giúp nhân viên và các bộ phận chức năng có ý thức hơn trong vấn đề tiết kiệm năng lượng. Công ty cũng thực hiện kiểm soát điện năng tiêu thụ nhằm giảm thiểu tình trạng lãng phí điện, giảm chi phí hoạt động. Công ty cũng dự kiến đầu tư điện năng lượng mặt trời trên các mái nhà để cung cấp điện cho Công ty.

### Tiêu thụ nước:

Hiện nay, nhiều nguồn nước sạch đang bị suy thoái và phá hủy nghiêm trọng do hoạt động khai thác quá mức và bị ô nhiễm với mức độ khác nhau, đặc biệt tại các khu vực gần khu công nghiệp và đô thị lớn. Lý do chính cho tình trạng này là sự đô thị hóa chóng mặt khiến cho khối lượng khổng lồ những chất thải, rác thải, nước thải không qua xử lý đi vào môi trường. Theo thống kê và đánh giá của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên môi trường, trung bình mỗi năm ở Việt Nam có khoảng 9.000 người tử vong và gần 200.000 trường hợp mắc bệnh ung thư vì nguồn nước và điều kiện vệ sinh kém.

Nắm bắt được vấn đề này, để giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường. Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, xây dựng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải công suất 60m3 ngày đêm, khuyến khích CB-CNV sử dụng tiết kiệm nước.

## TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, sự thành công của 28 Hưng Phú không thể kể đến sự hỗ trợ, hợp tác và giúp đỡ của Chính quyền và nhân dân địa phương. Vì vậy, các chương trình trách nhiệm xã hội là cần thiết và tiên quyết đối với sự phát triển bền vững của Công ty. Trong năm 2020, những hoạt động thiết thực cho cộng đồng xã hội tiếp tục được Công ty duy trì và triển khai như:

- Đoàn thanh niên Công ty cổ phần 28 Hưng Phú đã tổ chức quyên góp quần áo, nhu yếu phẩm cho đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 9 gây ra. Số tiền: 10.000.000 đồng.
- Công ty tổ chức trao khẩu trang kháng khuẩn cho trường Đại học Công nghệ TP.HCM với số lượng 5.000 cái.
- Tổ chức phát quà Tết cho người nghèo, số tiền: 5.000.000 đồng.





PHẦN III

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BGD

- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
- Tình hình tài chính
- Kế hoạch phát triển tương lai



# ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

## CÔNG TÁC KHÁCH HÀNG, NGUỒN HÀNG

Công ty đã tìm và xác nhận đủ nguồn hàng để duy trì, ổn định sản xuất trong PX đến hết năm 2020; số lượng SP sơ mi SX trong cả năm 2020: 1.720.000 sp. Bên cạnh đó công ty đã tìm được các đối tác SX khẩu trang xuất khẩu: Số lượng khoảng 1,4 triệu cái.

Đã tìm thêm hàng để tổ chức gia công bên ngoài để tăng doanh thu và tăng sản lượng. Số lượng gia công bên ngoài 100.000 sp sơ mi nam.

## CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH & QUẢN LÝ SẢN XUẤT

Công ty đã tập trung theo dõi, kiểm soát tốt công tác tổ chức SX, sản xuất sản phẩm đúng tiến độ và đạt chất lượng để kịp thời xuất hàng giao cho khách.

Các phòng chức năng thường xuyên làm tốt công tác chuẩn bị phục vụ SX; luôn chủ động rà soát, bám sát TNSX để kịp thời cung cấp NPL, MMTB, các loại văn bản tài liệu KT, sơ đồ, rập, cũ cuốn, ... phục vụ SX và kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh liên quan đến SX của 2 PX. Hai PX luôn thích ứng với sự thay đổi mặt hàng và thay đổi TNSX do ảnh hưởng Covid -19.

Các phòng và PX luôn duy trì nghiêm túc công tác SX tinh gọn, công tác 5S: Duy trì nghiêm túc công tác vệ sinh cuối Tuần ( Vì công ty tổ chức SX hàng màu trắng chiếm gần 60%), sắp xếp bố trí SX phù hợp với tình hình thực tế, trong điều kiện thiếu lao động trực tiếp và nguồn hàng thay đổi do ảnh hưởng của Covid-19.

## CÔNG TÁC KỸ THUẬT & CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Các phòng chức năng thường xuyên nghiên cứu các yêu cầu của SP, chất liệu, làm tốt công tác chuẩn bị SX để đưa ra các giải pháp, các loại cũ cuốn phù hợp để áp dụng vào SX nhằm đảm bảo SP SX ra đạt chất lượng, đúng yêu cầu kỹ thuật.

Phòng kỹ thuật luôn chủ động phối hợp với khách hàng để tư vấn thiết kế yêu cầu kỹ thuật của SP phù hợp với MMTB và tay nghề của công nhân.

Luôn quan tâm về tay nghề của đội ngũ nhân viên kiểm tra chất lượng SP cả về số lượng và chất lượng lao động. Thực hiện nghiêm qui trình kiểm tra chất lượng SP ở tất cả các khâu trong quá trình SX; duy trì nghiêm túc công tác kiểm tra CLSP. Tổ chức HN rút kinh nghiệm về chất lượng SP, tổ chức chấn chỉnh chất lượng SP trong toàn công ty (8 /11).

Tiếp tục đầu tư bổ sung các MMTB điện tử để nâng cao chất lượng SP;

Tiếp tục nghiên cứu lại qui trình công nghệ, bố trí sắp xếp lại SX của một số công đoạn, sắp xếp mặt bằng HT của PX để quản lý tốt CLSP, để chuẩn bị cho công tác sắp xếp SX của PX may vào đầu năm 2021.

## CÔNG TÁC QUẢN LÝ & QUẢN TRỊ

Triển khai thực hiện đầu tư MMTB năm 2020 đúng trình tự thủ tục và đưa MMTB vào khai thác có hiệu quả trong quý 2/2020.

Tổ chức lập báo cáo tài chính tháng, quý, 6 tháng và 9 tháng đầu năm 2020; phục vụ công tác kiểm tra nghiệp vụ 6 tháng đầu năm 2020. Thực hiện kiểm kê đột xuất, lập các báo cáo phục vụ việc bàn giao chức danh Chủ tịch tổng Công ty 28, báo cáo tình hình ảnh hưởng của Covid.

Thường xuyên thanh toán tiền lương, tiền thưởng, các chế độ chính sách NLD khách quan, đúng thời gian, đúng qui định.

Tổ chức thu hồi công nợ đến hạn, quá hạn, không để nợ xấu; thường xuyên lập biên bản đối chiếu công nợ; đàm phán với khách hàng để được ứng trước tiền hàng TP đang tồn kho chưa xuất. Tổ chức HN triển khai nhiệm vụ năm 2020, ĐH cổ đông TN năm 2020 (23/6).

Tập trung khai thác có hiệu quả diện tích mặt bằng hiện có của Công ty ngay từ đầu năm 2020. Tổ chức thu hồi Kho gió mật dịch dứt điểm trong tháng 8/2020.

## CÔNG TÁC HCHC; CTĐ-CTCT

Triển khai các bước chuẩn bị và tổ chức ĐH Đảng các cấp: ĐH điểm chi bộ PX may (21/2) và ĐH của 5 chi bộ còn lại thành công. Tổ chức thành công ĐH điểm Đảng bộ công ty CP 28 HP NK 2020-2025 (27,28/5)

Duy trì công tác ANAT; PCCC; văn thư bảo mật; tổ chức ăn ca đảm bảo chất lượng và chế độ. Tổ chức duy trì, thực hiện và phục vụ đánh giá tái cấp chứng chỉ công tác ISO 9001: 2015; TC Wrap; phục vụ công tác thẩm định và chuẩn bị đánh giá của KH Hugo Boss.

Tổ chức tuyên truyền và thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 có hiệu quả, thực hiện đo nhiệt độ, bố trí nước rửa tay Nano bạc tất cả các cửa ra vào, phát khẩu trang và tổ chức đeo khẩu trang trong toàn công ty từ tháng 2.2020 nghiêm túc, đúng qui trình, đúng các chỉ thị của cấp trên.

Duy trì nghiêm túc các hoạt động CTĐ-CTCT và các hoạt động của các TCQC.





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## CƠ CẤU TÀI SẢN



CHỈ TIÊU	2016 (triệu đồng)	2017 (triệu đồng)	2018 (triệu đồng)	2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	115.184,47	133.475,28	151.177,36	141.917,48	109.866,97
Tiền & các khoản tương đương tiền	23.094,17	18.677,27	17.045,93	20.276,83	12.437,83
Các khoản phải thu ngắn hạn	25.124,40	31.002,31	51.526,12	42.294,68	21.572,27
Hàng tồn kho	65.166,87	80.775,74	80.101,02	77.481,85	73.278,88
Tài sản ngắn hạn khác	1.799,02	3.019,96	2.504,28	1.861,12	2.577,98
<b>Tài sản dài hạn</b>	24.410,12	25.838,98	26.684,04	30.704,22	29.438,22
Tài sản cố định	21.764,37	23.984,76	25.557,37	29.502,93	28.835,48
<b>Tổng tài sản</b>	139.594,59	159.134,26	177.861,39	172.621,70	139.305,19

Cơ cấu tài sản của HPU giai đoạn 2016 – 2019 không có sự chuyển dịch đáng kể khi tài sản ngắn hạn duy trì ở mức 82-85% tổng tài sản. Tuy nhiên, năm 2020, tài sản ngắn hạn ghi nhận sự sụt giảm mạnh khi chỉ đạt giá trị 109 tỷ đồng, giảm hơn 22% so với cuối năm 2019, chỉ chiếm 78% tổng tài sản. Nguyên nhân chủ yếu là do, dưới ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19, một số khách hàng lớn truyền thống như Itochu, Apparel thông báo hủy đơn hàng khiến cho khoản phải thu khách hàng giảm một nửa so với cuối năm 2019 – mức giảm mạnh nhất trong vòng 5 năm trở lại đây.

Tài sản dài hạn (phần lớn là tài sản cố định) của Công ty trong giai đoạn 2016 – 2020 cơ bản không có sự thay đổi đáng kể, duy trì ở mức 29 tỷ đồng trong năm 2020, giảm nhẹ so với năm 2019 và tăng hơn 20% so với cuối năm 2016.

## CƠ CẤU NGUỒN VỐN

CHỈ TIÊU	2016 (triệu đồng)	2017 (triệu đồng)	2018 (triệu đồng)	2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)
<b>Nợ phải trả</b>	107.685,23	128.481,99	142.160,68	136.264,11	105.297,11
Nợ ngắn hạn	107.685,23	128.481,99	142.160,68	136.264,11	105.297,11
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	31.909,36	30.832,28	35.700,71	36.357,60	34.008,08
Vốn góp chủ sở hữu	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
LNST chưa phân phối và các quỹ	1.588,53	228,77	4.799,44	5.164,58	2.277,60
<b>Tổng nguồn vốn</b>	139.594,59	159.314,26	177.861,39	172.621,70	139.305,19

Cơ cấu nguồn vốn của HPU đang được cải thiện qua các năm khi tỷ trọng của nợ phải trả/nguồn vốn giảm dần và tỷ trọng vốn chủ sở hữu/nguồn vốn đang tăng lên. Cụ thể, Nợ phải trả chỉ còn chiếm khoảng 75% tổng nguồn vốn, so với con số 78% cuối năm 2019 và 77% cuối năm 2016.

Tổng nợ của Công ty bao gồm 100% nợ ngắn hạn, phần lớn là (i) Các khoản chiếm dụng người bán như London Paris, CTCP Kết nối Thời trang... và (ii) Khoản vay từ tháng 03/2020 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cuối năm 2020, mức nợ phải trả đạt mức thấp nhất trong vòng 5 năm gần nhất cho thấy Công ty đã đảm bảo được dòng tiền để trả các khoản lãi và gốc vay.

Vốn chủ sở hữu của HPU có xu hướng tăng đều qua các năm, đạt đỉnh ở mức 36 tỷ đồng vào cuối năm 2019. Tuy nhiên, do tình hình kinh doanh khó khăn, LNST giảm đáng kể đã làm vốn CSH của doanh nghiệp giảm chỉ còn 34 tỷ vào cuối năm 2020. Đáng chú ý trong cơ cấu nguồn vốn là Công ty đã không tăng vốn điều lệ trong vòng 5 năm trở lại đây, duy trì ở mức 20 tỷ đồng.





TÌNH HÌNH  
**TÀI CHÍNH**

EPS

**1.249**

đồng/ cổ phiếu

ROE

**12%**

ROA

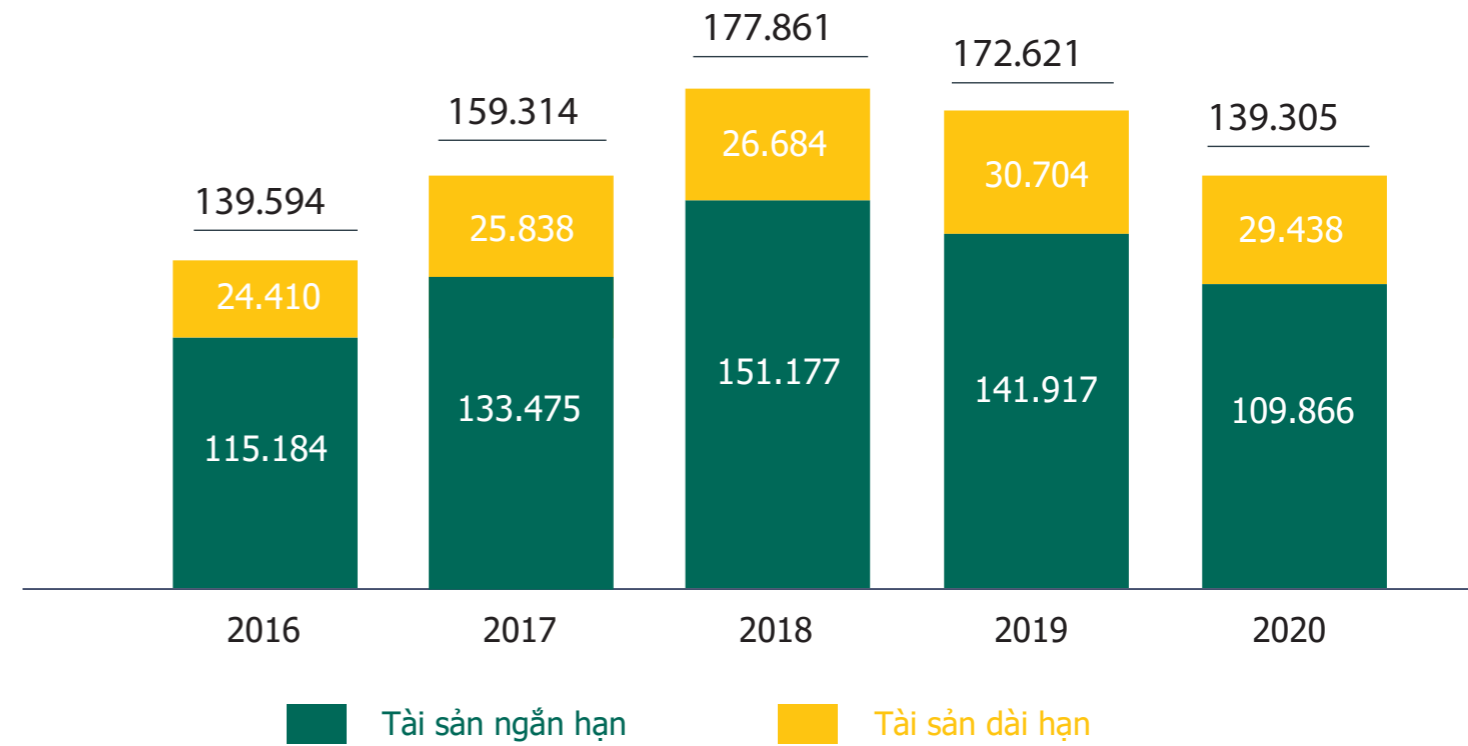
**3%**

PAT

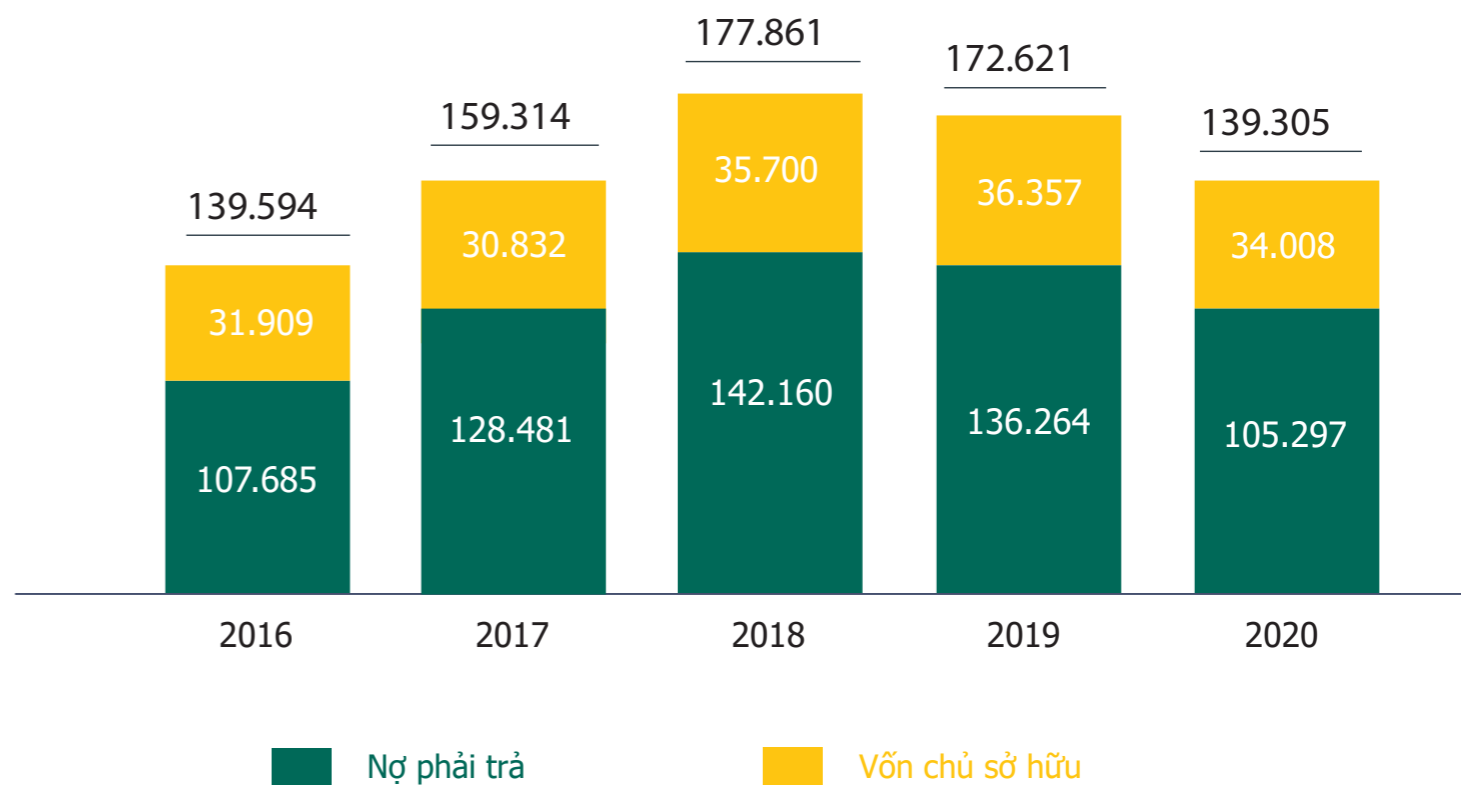
**4.095**

triệu đồng

CƠ CẤU TÀI SẢN (TRIỆU ĐỒNG)



CƠ CẤU NGUỒN VỐN (TRIỆU ĐỒNG)





## KẾ HOẠCH

# PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## KẾ HOẠCH VỀ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2020 (triệu đồng)	KẾ HOẠCH 2021 (triệu đồng)	THAY ĐỔI %
Tổng doanh thu	358.474,74	360.000,00	100,40%
Lợi nhuận sau thuế	4.095,40	4.400,00	107,45%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	10%	10%	-

## KẾ HOẠCH VỀ KHÁCH HÀNG VÀ THỊ TRƯỜNG

Tập trung điều hành sản xuất đảm bảo tiến độ và sản xuất đảm bảo chất lượng SP để giữ chân các khách hàng truyền thống còn lại hiện có.

Làm tốt công tác phục vụ đánh giá nhà máy để xem lựa chọn qui hoạch thêm 1-2 khách hàng xuất khẩu vào thị trường Nhật, Mỹ trong năm 2021.

Thích ứng với khách hàng mới, khẩn trương, thích ứng nhanh với công tác chuyển đổi SX, thích ứng với SP trái công nghệ do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

## KẾ HOẠCH VỀ CÔNG TÁC SẢN XUẤT

Giữ ổn định qui mô về số lượng chuyền may là 10 chuyền may lắp ráp; 2 chuyền chi tiết (Tập trung tuyển đủ lao động cho các chuyền may).

Xem xét điều chỉnh qui mô SX theo hướng PX1 và PX2 (gồm Tổ cắt; tổ may chi tiết; tổ may lắp ráp; tổ KCS và tổ HT) từ 01/01/2021.

Tỉ lệ tăng trưởng các chỉ tiêu kinh tế năm 2021 so với thực hiện năm 2020.

## KẾ HOẠCH VỀ CÔNG TÁC KHÁCH HÀNG, NGUỒN HÀNG

Thường xuyên làm việc với khách hàng để xác nhận các đơn hàng cụ thể từng tháng và từng quý. Luôn chủ động cập nhật thông tin để đảm bảo nguồn hàng SX trước 1-2 tháng.

Thường xuyên theo dõi điều hành sản xuất đảm bảo tiến độ và sản phẩm đảm bảo chất lượng để khách hàng đến với nhà máy.

Hàng tháng BTGD nghe PKHTH, PKT báo cáo tình hình xác nhận đơn hàng SX của tháng sau, quý sau. Để làm tốt công tác lãnh đạo chỉ đạo về nguồn hàng, tình hình NPL và mẫu mã.

Tích cực liên hệ với các đối tác cũ và tìm kiếm thêm thông tin các khách hàng mới để có cơ hội tiếp cận, tìm kiếm thêm các đơn hàng mới phục vụ đảm bảo ổn định SX.

Tìm kiếm thêm hàng Sơ mi hoặc các mặt hàng khác để tổ chức gia công bên ngoài, khi điều kiện cho phép.

## KẾ HOẠCH VỀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH & QUẢN LÝ SẢN XUẤT

Tổ chức lập KH SX, KH giao hàng phù hợp với tình hình thực tế SX, bố trí hàng SX theo lợi thế và chuyên sâu của từng chuyền để đảm bảo năng suất cao nhất.

Hàng ngày, hàng Tuần thường xuyên rà soát và kiểm soát thật kỹ về công tác chuẩn bị SX, trọng tâm là của PKHTH, PKT, Lean. Tổ chức thực hiện đặt NPL và kiểm soát chặt chẽ số lượng, tiến độ, đảm bảo nguyên phụ liệu đồng bộ trước khi ban hành LSX.

Tập trung mọi nguồn lực để tổ chức sản xuất sản phẩm đúng tiến độ và đạt chất lượng, phấn đấu quyết tâm hoàn thành dứt điểm kế hoạch của từng tháng. Phấn đấu đến hết 30/9 hoàn thành trên 75 % các chỉ tiêu kinh tế để chuẩn bị chào mừng KN 30 năm ngày TL công ty (2/12/1991-2/12/2021).

Quyết tâm đến 31/12 hoàn thành trên 105% các chỉ tiêu kinh tế KH năm.

Thực hiện nghiêm các qui trình tổ chức sản xuất từ khâu chuẩn bị đến tổ chức sản xuất, xuất hàng đảm bảo đạt chất lượng, đúng tiến độ theo yêu cầu khách hàng.

Chỉ huy các đơn vị, tập trung là chỉ huy PKT, P Lean phải thường xuyên có mặt để giải quyết kịp thời các phát sinh liên quan đến sản xuất. Đặc biệt, là về tình trạng chất lượng NPL, yêu cầu công tác kỹ thuật SP.

Thường xuyên xây dựng các tiêu chí kích thích tăng năng suất và tổ chức phát động thi đua để góp phần tăng năng suất.

Thường xuyên làm tốt công tác SX tinh gọn, quyết tâm loại bỏ và ngăn chặn các hao phí lãng phí, để góp phần tăng năng suất LĐ, tăng hiệu quả SXKD.





# PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## KẾ HOẠCH VỀ CÔNG TÁC KỸ THUẬT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Phòng kỹ thuật và Phòng Lean thường xuyên nghiên cứu thật kỹ yêu cầu của SP, chất liệu, đọc kỹ các tài liệu, làm tốt công tác chuẩn bị SX để nhằm đảm bảo SP SX ra đạt chất lượng, đúng yêu cầu kỹ thuật.

Bộ phận may mẫu, thiết kế thường xuyên phối hợp với khách hàng để tư vấn thiết kế SP theo yêu cầu của công tác SX công nghiệp đại trà, đồng thời phù hợp với MMTB và tay nghề của công nhân. Duy trì nghiêm túc qui trình kiểm tra chất lượng SP ở tất cả các khâu trong quá trình SX. Thường xuyên tổ chức đào tạo NV KCS yếu và KCS mới.

Tuyển dụng thêm NV KCS trẻ có tay nghề, để có điều kiện sắp xếp bố trí nhân sự KCS thích hợp phục vụ SX.

## KẾ HOẠCH VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ & QUẢN LÝ

BTGD, chỉ huy các Phòng thường xuyên kiểm tra, duy trì và thực hiện nghiêm túc các qui chế, qui định và các nhiệm vụ hàng ngày trong Công ty. Công việc phát sinh đến đâu giải quyết dứt điểm đến đó. Tuyệt đối không để kéo dài sang ngày khác, trừ nguyên nhân khách quan.

Tổ chức họp giao ban, hội ý SX, các các họp chuyên môn khác để tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm, góp phần làm tốt công tác quản lý và SX.

Quản lý chặt chẽ NPL từ khâu định mức, đặt hàng, quản lý NPL trong quá trình cắt, trong SX, ... tránh đặt thừa, đặt thiếu, ... dẫn đến tồn kho, gây lãng phí, gây thất thoát.

Thực hiện nghiêm các biện pháp tiết kiệm chi phí trong SX và trong quản lý để tăng hiệu quả SX kinh doanh của Công ty. Cương quyết cắt giảm các chi phí không cần thiết để tập trung nâng cao đời sống NLD và tăng hiệu quả SXKD.

Thường xuyên theo dõi, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, tổ chức đối chiếu, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ quá hạn, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền phục vụ tốt công tác quản lý, SXKD và đảm bảo kinh phí sản xuất kinh doanh.

Thực hiện đầu tư MMTB hiện đại hóa và triển khai ứng dụng phần mềm quản lý đưa vào khai thác phục vụ công tác quản trị trong năm 2021: từ Công tác tổng hợp SP tính lương; chấm công vân tay; báo cơm-theo dõi quản lý suất ăn; Công tác thông kê; Công tác kho; công tác định mức; cân đối nhu cầu NPL; ban hành LSX; ra hợp đồng; kết nối sang Gcam để sử dụng phục vụ công tác TCKT;.... Tổ chức và làm tốt công tác gia công bên ngoài để bù đắp khó khăn trong phân xưởng, tổ chức SX đảm bảo tiến độ và đảm bảo chất lượng ( Khi điều kiện cho phép).

Thường xuyên đàm phán và đánh giá lựa chọn các nhà cung cấp NPL, PTTT và vật tư SX để lựa chọn nhà cung cấp có giá cạnh tranh nhất.

Thực hiện đàm phán và làm việc với khách hàng về một số điều khoản thanh toán, giảm rủi ro cho Công ty. Kể cả các Nhà cung cấp NPL.

## KẾ HOẠCH VỀ CÔNG TÁC LĐTTL, TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO, NÂNG LƯƠNG NÂNG BẬC

Tổ chức XD PA tiền lương, tiền thưởng năm 2021 và tổ chức triển khai phổ biến rộng rãi đến CB-NV-NLD trong Công ty hiểu và thực hiện

Lập kế hoạch và tổ chức triển khai các biện pháp tuyển dụng đảm bảo lao động năm 2021, để bổ sung lao động vắng hàng ngày của các Chuyên.

Tổ chức lập kế hoạch đào tạo kèm cặp một số CN LĐ yếu, CN mới; đào tạo nâng cao kỹ năng tay nghề của một số NV KCS, Chuyên trưởng có tay nghề thấp để đáp ứng kịp yêu cầu công tác tổ chức SX và đảm bảo SP SX ra thật sự ổn định về mặt chất lượng

Tổ chức đào tạo NV các phòng: PKHTH, PKT, PTCKT về nhập liệu, vận hành sử dụng và khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý từ Công tác tổng hợp SP tính lương; chấm công vân tay; báo cơm-theo dõi quản lý suất ăn; Công tác thông kê; Công tác kho; công tác định mức; cân đối nhu cầu NPL; ban hành LSX; ra hợp đồng; kết nối sang Gcam để sử dụng phục vụ công tác TCKT;....

Tổ chức thi nâng bậc, nâng lương theo đúng qui định hàng năm.

## KẾ HOẠCH VỀ CÔNG TÁC HCHC & AN NINH AN TOÀN

Lập phương án và thực hiện tốt công tác bảo vệ, tuần tra đảm bảo đơn vị an toàn tuyệt đối về người và tài sản.

Đảm bảo công tác hành chính hậu cần: Quân y, an toàn thực phẩm, công tác văn thư lưu trữ; tuyệt đối không được chủ quan để xảy ra mất an toàn ảnh hưởng đến công tác quản lý và sản xuất của Công ty.

Thường xuyên kiểm tra công tác PCCC, phối hợp với lực lượng Công an PCCC tổ chức diễn tập PCCC, thoát nạn thoát hiểm theo quy định.

Làm tốt công tác kỷ niệm 30 năm ngày TL công ty ( 2/12/1991)

Thực hiện, duy trì HTQL ISO 9001-2015; HTQLCL theo TC Wrap để phục vụ tốt cho công tác quản lý của công ty.

Lập và thực hiện nghiêm túc kế hoạch thanh tra đánh giá chất lượng nội bộ, đánh giá giám sát các hệ thống theo định kỳ. Tổ chức tốt hội nghị xem xét lãnh đạo đúng qui định.





**KẾ HOẠCH VỀ CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA 3 TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG**

Trên cơ sở kế hoạch công tác Đảng, công tác chính trị của Tổng công ty 28, căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đầy đủ, có chất lượng, đúng thời gian các công việc về công tác Đảng, công tác chính trị theo quy định.

Bám sát chỉ đạo hướng dẫn của Tổng công ty 28, Nghị quyết Đảng ủy Công ty để xây dựng kế hoạch và thực hiện đầy đủ nội dung chương trình giáo dục chính trị cho các đối tượng. Sắp xếp bố trí thời gian hợp lý để hoàn thành các nội dung học tập, đảm bảo trên 98% cán bộ, CNLĐ tham gia học tập và viết bài kiểm tra, tỉ lệ cán bộ, đảng viên đạt khá giỏi 100%, gắn kết quả kiểm tra chính trị năm với đánh giá chất lượng đảng viên, bình xét thi đua khen thưởng của cán bộ, công nhân lao động để mỗi người tự giác tham gia học tập đầy đủ, đạt chất lượng.

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nền nếp quy chế đối thoại tại nơi làm việc; chú trọng công tác nắm tình hình tư tưởng và giáo dục ý thức trách nhiệm, quyết tâm thực hiện nhiệm vụ.

Triển khai các hoạt động tuyên truyền và các phong trào thi đua thường xuyên và đột kích gắn với các sự kiện lớn của đất nước với thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Chú trọng xây dựng điển hình tiên tiến. Đẩy mạnh, duy trì có chất lượng các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, công nhân lao động trong Công ty.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 05 của Bộ chính trị, Chỉ thị 87 của Thường vụ Quân ủy Trung ương về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện phong trào thi đua "Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy" và Cuộc vận động "Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ"; gắn với thực hiện nhiệm vụ, chức năng, các phong trào thi đua và xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tiết kiệm, tiết giảm chi phí, xây dựng tổ chức Đảng TSVM, đơn vị VMTD, các tổ chức quần chúng VMXS.

Tiếp tục thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của trên, giữ vững các nguyên tắc, duy trì nền nếp, chế độ công tác xây dựng đảng, thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát và thi hành kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng đối với tổ chức đảng và đảng viên theo kế hoạch.

Duy trì nền nếp, chế độ, nội dung sinh hoạt đảng và ra nghị quyết lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng theo Hướng dẫn số 773/HĐ-CT ngày 05/8/2016 của Cục chính trị - Tổng cục Hậu cần.

Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm, đồng bộ các nhóm giải pháp về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ theo NQTW4 (khóa XII) gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, xây dựng qui hoạch nguồn cán bộ làm công tác quản lý các cấp trong TCT 28 theo hướng dẫn số: 93-HD/ĐU ngày 12/11/2020, để đáp ứng yêu cầu công tác cán bộ, đáp ứng sự phát triển của Công ty và Tổng công ty. Thường xuyên bố trí sắp xếp và thực hiện luân chuyển, kiện toàn đội ngũ cán bộ chỉ huy, quản lý các cấp trong Công ty.

Tăng cường các biện pháp quản lý cán bộ và triển khai thực hiện giải quyết chính sách cán bộ với yêu cầu tận tình, chu đáo, đúng chính sách chế độ.

Duy trì tốt chế độ tuyên truyền, giáo dục, nâng cao cảnh giác cho cán bộ, công nhân lao động trong Công ty.

Làm tốt công tác rà soát nội bộ, quản lý chặt chẽ số đối tượng thuộc diện quản lý. Củng cố mạng lưới bảo vệ an ninh nội bộ thông qua việc kiện toàn đội ngũ cấp ủy viên và nhân viên theo dõi công tác bảo vệ, an ninh; duy trì thực hiện nghiêm công tác quản lý đối ngoại quân sự, thực hiện theo dõi, báo cáo đoàn ra, đoàn vào, tiếp xúc làm việc với người nước ngoài theo đúng quy định về đối ngoại quân sự; quản lý, sử dụng máy tính nối mạng internet đúng quy định.

Thực hiện chính sách của đảng, Nhà nước và hướng dẫn, quy định của trên đúng quy trình, chặt chẽ, chính xác, kịp thời. Bám sát chế độ chính sách, vận dụng thực hiện đầy đủ chế độ chính sách nhằm động viên khuyến khích được cán bộ, CNLĐ.

Vận động cán bộ, CNLĐ quyên góp Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" theo chương trình của Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần, Tổng công ty 28. Triển khai xây dựng "Nhà tình nghĩa" trong năm của Công ty đảm bảo kế hoạch.

Chỉ đạo công tác quần chúng hoạt động có nền nếp, đúng Luật, đúng Điều lệ, sáng tạo, đổi mới có hiệu quả thiết thực nhất là trong công tác giáo dục, thi đua vận động đoàn viên, hội viên, người LĐ tích cực sản xuất, công tác góp phần để Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xây dựng các tổ chức quần chúng vững mạnh xuất sắc.

Nắm chắc tình hình, tổng kết rút kinh nghiệm công tác năm 2020, xây dựng kế hoạch năm 2021. Thực hiện tốt chế độ sơ tổng kết, rút kinh nghiệm và phản ánh, báo cáo đúng quy định.







#### PHẦN IV

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc
- Kế hoạch năm 2021 và định hướng 5 năm của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA

## HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2020, dưới ảnh hưởng của dịch Covid-19, tình trạng khách hàng giãn/ hủy đơn hàng xảy ra thường xuyên đã ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận của Công ty.

Năm 2020, tuy doanh thu và lợi nhuận không đạt chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh nhưng Ban điều hành đã cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty và Nghị quyết của HĐQT. Hội đồng Quản trị đã luôn đi sát hoạt động của Công ty, kịp thời đưa ra nghị quyết giúp ban Tổng Giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh.





ĐÁNH GIÁ CỦA

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2020, các nội dung trong công tác đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Giám sát việc Ban điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh căn cứ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Xây dựng chiến lược, định hướng phát triển Công ty và giữ vai trò đảm bảo hài hòa các mối quan hệ đối ngoại đặc biệt đối với các tổ chức, hiệp hội cùng ngành nghề và các cơ quan nhà nước hữu quan.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện được theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty. Tại các phiên họp thường kỳ, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo đầy đủ về mọi mặt hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc có đã có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ và khi có yêu cầu.



KẾ HOẠCH VÀ

## ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TÁC SẢN XUẤT

Tổ chức lập kế hoạch sản xuất, khách hàng giao hàng phù hợp với tình hình thực tế sản xuất, bố trí hàng sản xuất theo lợi thế và chuyên sâu của từng chuyên để đảm bảo năng suất cao nhất.

Hàng ngày, hàng tuần thường xuyên rà soát và kiểm soát thật kỹ về công tác chuẩn bị sản xuất, trọng tâm là của phòng kế hoạch tổng hợp, phòng kỹ thuật, phòng Lean.

Tổ chức thực hiện đặt nguyên phụ liệu và kiểm soát chặt chẽ số lượng, tiến độ, đảm bảo nguyên phụ liệu đồng bộ trước ngày cắt. Kiểm soát chi tiết tình hình đồng bộ nguyên phụ liệu trước khi ban hành lượng sản xuất.

Tập trung mọi nguồn lực để tổ chức sản xuất sản phẩm đúng tiến độ và đạt chất lượng, phấn đấu hoàn thành dứt điểm kế hoạch của từng tháng. Quyết tâm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đề ra.

Thường xuyên theo dõi công tác điều độ sản xuất, kiểm soát chặt chẽ năng suất từng ngày, từng tuần, từng tháng và quản lý chặt chẽ số lượng sản phẩm sản xuất từ khâu cắt, may, đóng gói sản phẩm để đảm bảo đủ số lượng giao cho khách hàng.

Chỉ huy các đơn vị, tập trung là chỉ huy phòng kỹ thuật, phòng Lean phải thường xuyên có mặt để giải quyết kịp thời các phát sinh liên quan đến sản xuất. Đặc biệt, là về tình trạng chất lượng nguyên phụ liệu, yêu cầu công tác kỹ thuật sản phẩm.

Thường xuyên làm tốt công tác sản xuất tinh gọn, quyết tâm loại bỏ và ngăn chặn các hao phí lãng phí để góp phần tăng năng suất lao động.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Rà soát, phân tích công việc ở các bộ phận, đơn vị điều chỉnh định biên lao động khối gián tiếp theo hướng tinh giảm, hiệu quả phù hợp với điều kiện lao động trực tiếp giảm, tránh mất cân đối và có biện pháp kiên quyết, vừa có chính sách động viên khuyến khích đơn vị bộ phận gián tiếp giảm được lao động.

Ban Tổng Giám đốc, chỉ huy các Phòng thường xuyên kiểm tra, duy trì và thực hiện nghiêm túc các quy chế, qui định và các nhiệm vụ hàng ngày trong Công ty. Công việc phát sinh đến đâu giải quyết và tổng hợp làm dứt điểm đến đó.

Quản lý chặt chẽ nguyên phụ liệu từ khâu định mức, đặt hàng, quản lý nguyên phụ trong quá trình cắt, trong gia công, tránh đặt thừa, đặt thiếu, dẫn đến tồn kho, gây lãng phí, thất thoát.

Quản lý chặt chẽ hàng tồn kho, duy trì mức dự trữ cho phép, tránh để hàng tồn lâu ngày mất phẩm chất, vốn tồn đọng. Thường xuyên tổ chức thanh lý máy móc thiết bị, hàng tồn kho không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn, tăng hiệu quả cho công ty 1 quý/lần.

Thường xuyên theo dõi, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, tổ chức đối chiếu, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ quá hạn, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền phục vụ tốt công tác quản lý, SXKD và đảm bảo kinh phí SXKD.





PHẦN V

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành & Ban kiểm soát



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch HĐQT	586.520	29,33%
Lê Đức Khiêm	Phó Chủ tịch HĐQT	319.920	16,00%
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	100.000	5,00%

## THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Ông NGUYỄN QUYẾT THẮNG

<b>Chức vụ</b>	Chủ tịch HĐQT
<b>Năm sinh</b>	1969
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Kinh tế - QTKD
<b>Quá trình công tác</b>	

- 4/2007 - 3/2012 Trưởng phòng KHTH Công ty CP 28 Hưng phú - Tổng công ty 28.
- 4/2012 - 7/2016 Tổng giám đốc Công ty CP Bình Phú
- 8/2016 - 12/2016 Phó phòng KHTH Tổng công ty 28
- 1/2017 - 7/2017 Trưởng phòng KHTH Tổng công ty 28
- 8/2017 - 12/2017 Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Tổng công ty 28
- 1/2018 - 3/2018 Tổng giám đốc Công ty CP 28 Đà Nẵng
- 3/2018 - nay Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
- 4/2007 - 3/2012 Trưởng phòng KHTH Công ty CP 28 Hưng phú - Tổng công ty 28.
- 4/2012 - 7/2016 Tổng giám đốc Công ty CP Bình phú
- 8/2016 - 12/2016 Phó phòng KHTH Tổng công ty 28
- 1/2017 - 7/2017 Trưởng phòng KHTH Tổng công ty 28

### Ông NGUYỄN VĂN DŨNG

<b>Chức vụ</b>	Thành viên HĐQT
<b>Năm sinh</b>	1949
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Tiến sĩ Công nghệ sợi dệt và hóa nhuộm
<b>Quá trình công tác</b>	

- 1966 - 1971 Sinh viên Đại học bách khoa Hà Nội
- 1971 - 04/1972 Giảng viên Đại học bách khoa Hà Nội
- 05/1972 - 1983 Nhập ngũ (nghĩa vụ quân sự)
- 1984 - 1988 Nghiên cứu sinh tại Tiệp Khắc (Cộng Hòa Séc)
- 1989 - 06/1991 Cán bộ thuộc Tổng cục Hậu cần
- 07/1991 - 02/1993 Đoàn phó Đoàn kho vận 690, Tổng cục Hậu cần
- 03/1993 - 05/1995 Đoàn trưởng Đoàn kho vận 690, Tổng cục Hậu cần
- 06/1995 - 06/1997 Cục phó Cục quân nhu, Tổng cục Hậu cần
- 07/1997 - 11/1997 Phụ trách Cục trưởng Cục quân nhu, Tổng cục Hậu cần
- 11/1997 - 11/2000 Cục trưởng Cục quân nhu, Tổng cục Hậu cần
- 12/2000 - 11/2009 Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần
- 04/2014 - nay Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 28 Hưng Phú

### Ông LÊ ĐỨC KHIÊM

(Thông tin đã được trình bày tại mục Thông tin Ban Điều hành)





# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỌ VÀ TÊN	SỐ BUỔI HỌP	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
Nguyễn Quyết Thắng	3	60%	Bổ nhiệm ngày 23/06/2020
Lê Đức Khiêm	5	100%	-
Nguyễn Văn Dũng	5	100%	-
Bùi Văn Bắc	2	40%	Miễn nhiệm ngày 23/06/2020

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN GIÁM ĐỐC

Duy trì các phiên họp định kỳ tối thiểu 1 lần/Quý. Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT tổng quát về thực hiện các nhiệm vụ, ý kiến đề xuất của Công ty; HĐQT thảo luận và quyết định thông qua các vấn đề phát sinh của Công ty.

Tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên HĐQT thảo luận và thông qua các nghị quyết, quyết định trực tiếp tại các phiên họp hoặc bằng hình thức trao đổi ý kiến sau khi đã nghiên cứu kỹ tài liệu, hồ sơ của Công ty. HĐQT thảo luận và thông qua một số nội dung quan trọng sau:

Định hướng mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch và các giải pháp của Tổng Giám đốc Công ty để thực hiện KHSXKD năm 2020.

Tỷ lệ chia cổ tức năm 2020.

Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020.

Đầu tư máy móc thiết bị năm 2020.

Quyết định các dự án và nội dung khác theo thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2020.



CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

## NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
Số 01/BB-CTCP	10/03/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo ước thực hiện các chỉ tiêu kinh tế Quý I/2020.</li> <li>Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2020.</li> <li>Công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm 2020.</li> <li>Nội dung chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025.</li> <li>Công tác đầu tư kho và cải tạo sửa chữa Phòng Kỹ thuật.</li> <li>Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.</li> <li>Một số nội dung khác</li> </ol>
Số 02/BB-CTCP	22/06/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo các chỉ tiêu kinh tế Quý II/2020 và UTH 6 tháng năm 2020.</li> <li>Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) Quý III/2020.</li> <li>Báo cáo tình hình SXKD bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 trong 6 tháng đầu năm 2020.</li> <li>Báo cáo dự kiến đầu tư điện năng lượng mặt trời trên các mái nhà để cung cấp điện cho Công ty</li> </ol>
Số 03/BB-CTCP	23/06/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>Bầu chủ tịch, phó chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ V (2020-2025).</li> <li>Bầu người phụ trách quản trị công ty kiêm thư ký HĐQT nhiệm kỳ V (2020-2025).</li> </ol>
Số 04/BB-CTCP	30/09/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng, kế hoạch SXKD Quý IV/2020 và ước thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2020.</li> <li>Báo cáo xin điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020.</li> <li>Báo cáo dự kiến các chỉ tiêu kinh tế năm 2021 theo thông báo định hướng phát triển và hướng xây dựng kế hoạch năm 2021 của Tổng Công ty 28.</li> <li>Báo cáo công tác nhân sự trường phòng TCHC.</li> </ol>
Số 05/BB-CTCP	17/12/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả SXKD năm 2020; kế hoạch SXKD năm 2021.</li> <li>Báo cáo mô hình tổ chức công ty năm 2021.</li> <li>Báo cáo công việc điều động và bổ nhiệm nhân sự.</li> <li>Báo cáo hạn mức tín dụng năm 2021.</li> <li>Báo cáo điều khoản hợp đồng với một số đối tác.</li> <li>Báo cáo công tác chuẩn bị tết và ĐHCĐ năm 2021.</li> <li>Báo cáo phương án trả tiền lương năm 2021.</li> </ol>



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



# BAN KIỂM SOÁT

## DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Lữ Công Thịnh	Trưởng BKS	-	-
Lê Văn Võ Thành	Kiểm soát viên	7.900	0.40%
Nguyễn Việt Phong	Kiểm soát viên	-	-



## THÔNG TIN BAN KIỂM SOÁT

### Ông LỮ CÔNG THỊNH

<b>Chức vụ</b>	Trưởng Ban kiểm soát
<b>Năm sinh</b>	1976
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
<b>Quá trình công tác</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>3/1998 - 7/2004 Nhân viên kế toán Xí nghiệp 1 - Công ty 28, Tổng cục Hậu cần.</li><li>8/2004 - 4/2005 Nhân viên kế toán - Xí nghiệp May Đo - Công ty 28. Tổng cục Hậu cần.</li><li>5/2005 - 6/2008 Nhân viên kế toán Phòng tài chính kế toán - Công ty 28. Tổng cục Hậu cần.</li><li>7/2008 - 5/2009 Phụ trách phó phòng tài chính kế toán Phòng tài chính kế toán - Công ty 28. Tổng cục Hậu cần. Đảng viên.</li><li>6/2009 - 2/2013 Kế toán trưởng Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng công ty 28.</li><li>3/2013 - 6/2014 Kế toán trưởng Công ty CP 28 Hưng Phú - Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28, Tổng cục Hậu cần.</li><li>7/2014 - 12/2019 Phó phòng TCKT Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28, Tổng cục Hậu cần.</li><li>01/2020 - đến nay Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28, Tổng cục Hậu cần.</li></ul>

### Ông LÊ VĂN VÕ THÀNH

<b>Chức vụ</b>	Thành viên BKS
<b>Năm sinh</b>	1979
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>12/2001 - 12/2006 Nhân viên kế toán Xí nghiệp 2 - Tổng Công ty 28</li><li>01/2007 - 08/2008 Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú</li><li>09/2008 - 12/2010 Nhân viên kế toán Phòng TCKT - Tổng Công ty 28</li><li>01/2011 - nay Trưởng phòng tài chính Hành chính Xí nghiệp may đo Quân đội - Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng công ty 28</li><li>7/2014 - nay Kế toán trưởng Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng công ty 28</li></ul>



# BAN KIỂM SOÁT

## Ông NGUYỄN VIỆT PHONG

<b>Chức vụ</b>	Thành viên Ban kiểm
<b>Năm sinh</b>	1987
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
<b>Quá trình công tác</b>	
● 10/2011-8/2015	Kế toán viên Công ty CP 28 Hưng Phú
● 9/2015-12/2019	Kế toán viên Công ty TNHH MTV TCT 28
● 01/2020-5/2020	Trưởng phòng kế toán hậu cần Công ty Xăng Dầu 28

## CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

HỌ VÀ TÊN	SỐ BUỔI HỌP	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
Trần Thị Mỹ	2	40%	Miễn nhiệm ngày 23/06/2020
Lữ Công Thịnh	3	60%	Bổ nhiệm ngày 23/06/2020
Lê Văn Võ Thành	5	100%	
Nguyễn Văn Kiên	2	40%	Miễn nhiệm ngày 23/06/2020
Nguyễn Việt Phong	3	60%	Bổ nhiệm ngày 23/06/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020, cụ thể:

Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính kịp thời, hợp lý của các số liệu tài chính.

Phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán. Thống nhất với các đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của đơn vị kiểm toán độc lập.

Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và các nghĩa vụ tài chính khác.

Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông năm 2020 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc.

Các kết quả thẩm định báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định hiện hành khác về kế toán Việt Nam.

## SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BĐH

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT đều phù hợp với Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty trên tinh thần mang lại lợi ích tối đa cho Công ty, các cổ đông và người lao động.

Báo cáo của Tổng Giám đốc đã phản ánh đầy đủ và chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020. Các quyết định trong điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc đều phù hợp và tuân thủ pháp luật, điều lệ của Công ty cũng như các Nghị quyết của HĐQT.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh đã được HĐQT biểu quyết thông qua.

Trong năm qua BKS đã nhận được sự hỗ trợ từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông trong Công ty đã tạo điều kiện và cung cấp đầy đủ tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của BKS. Tại hầu hết các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc chủ trì, BKS đều được mời tham dự và tham gia góp ý kiến về công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



## CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BĐH, BKS

### LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG	THÙ LAO
<b>I. Hội đồng quản trị</b>				
1	Nguyễn Quyết Thắng	Thành viên HĐQT		13.800.000
2	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT		19.200.000
3	Lê Đức Khiêm			
<b>II. Ban kiểm soát</b>				
1	Lữ Công Thịnh	Trưởng BKS		9.000.000
2	Lê Văn Võ Thành	Kiểm soát viên		10.200.000
3	Nguyễn Việt Phong	Kiểm soát viên		5.100.000
<b>III. Ban Điều hành</b>				
1	Lê Đức Khiêm	Tổng Giám đốc	432.000.000	
2	Vũ Sỹ Nam	Phó Tổng Giám đốc	398.400.000	
3	Tăng Hùng	Kế toán trưởng	304.800.000	4.800.000

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

### HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có





PHẦN VI

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH





### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hưng Phú (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 23/06/2020)
Ông Bùi Văn Bắc	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 23/06/2020)
Ông Lê Đức Khiêm	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Sỹ Nam	Phó Tổng giám đốc

#### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

Lê Đức Khiêm  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2021

Số: 65-21/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2021

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

(tiếp theo)

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



**Trần Quốc Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Đặng Thị Thu Huyền**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2018-034-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

Địa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>109.866.971.383</b>	<b>141.917.476.794</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>12.437.833.203</b>	<b>20.276.826.880</b>
1. Tiền	111		12.437.833.203	10.776.826.880
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	9.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.572.274.451</b>	<b>42.297.678.278</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	19.563.100.107	39.390.030.440
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	953.089.506	2.422.066.878
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	1.056.084.838	485.580.960
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5.</b>	<b>73.278.877.729</b>	<b>77.481.854.688</b>
1. Hàng tồn kho	141		73.400.706.094	77.481.854.688
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(121.828.365)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.577.986.000</b>	<b>1.861.116.948</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.	-	140.332.180
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.577.986.000	1.720.784.768
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>29.438.222.251</b>	<b>30.704.224.957</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.835.482.837</b>	<b>29.502.926.995</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	28.617.045.342	29.226.239.496
- Nguyên giá	222		96.238.819.532	90.900.554.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.621.774.190)	(61.674.315.120)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	218.437.495	276.687.499
- Nguyên giá	228		791.250.000	791.250.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(572.812.505)	(514.562.501)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>71.760.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6.	-	71.760.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>602.739.414</b>	<b>1.129.537.962</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	602.739.414	1.129.537.962
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>139.305.193.634</b>	<b>172.621.701.751</b>





Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>105.297.111.699</b>	<b>136.264.105.206</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>105.297.111.699</b>	<b>136.264.105.206</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	23.971.048.829	39.000.822.863
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	1.900.429.687	6.096.912.482
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	170.507.754	314.080.673
4. Phải trả người lao động	314		11.013.004.449	16.011.627.868
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	42.695.470	46.568.123
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		45.454.546	45.454.546
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	9.929.947.563	7.374.176.037
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.	56.086.534.515	64.265.912.719
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.137.488.886	3.108.549.895
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.008.081.935</b>	<b>36.357.596.545</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16.</b>	<b>34.008.081.935</b>	<b>36.357.596.545</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.730.479.587	11.193.011.872
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.277.602.348	5.164.584.673
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		25.131.469	399.438.899
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.252.470.879	4.765.145.774
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>139.305.193.634</b>	<b>172.621.701.751</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thanh Định

Tăng Hùng

Lê Đức Khiêm

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	356.268.796.547	463.370.696.921
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	911.469.169	1.524.564.400
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>355.357.327.378</b>	<b>461.846.132.521</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	324.019.267.438	424.409.328.151
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>31.338.059.940</b>	<b>37.436.804.370</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	3.051.214.120	1.995.591.483
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	3.021.417.842	2.278.887.361
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.143.496.506	2.114.652.106
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	4.395.889.373	3.900.205.263
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	22.468.146.665	23.013.765.105
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>4.503.820.180</b>	<b>10.239.538.124</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	66.201.909	1.372.878.993
12. Chi phí khác	32		-	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>66.201.909</b>	<b>1.372.878.993</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.570.022.089</b>	<b>11.612.417.117</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	474.620.491	1.887.629.823
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>4.095.401.598</b>	<b>9.724.787.294</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	1.249,10	1.604,59

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thanh Định

Tăng Hùng

Lê Đức Khiêm



Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.570.022.089	11.612.417.117
2. Điều chỉnh cho các khoản				
· Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.064.944.158	6.995.015.034
· Các khoản dự phòng	03		121.828.365	
· Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(974.069.861)	(578.463.644)
· Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(576.327.669)	(440.088.118)
· Chi phí lãi vay	06		2.143.496.506	2.114.652.106
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.349.893.588	19.703.532.495
· Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19.836.287.822	8.046.652.853
· Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.081.148.594	2.619.163.216
· Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(23.055.088.358)	2.436.504.386
· Tăng, giảm chi phí trả trước	12		667.130.728	696.784.359
· Tiền lãi vay đã trả	14		(2.143.496.506)	(2.131.572.489)
· Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(612.996.769)	(2.087.805.789)
· Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.415.977.217)	(7.759.456.902)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.706.901.882</b>	<b>21.523.802.129</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.381.056.100)	(9.497.747.075)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		29.090.909	110.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.151.824.175	311.382.372
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.200.141.016)</b>	<b>(9.076.364.703)</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		127.858.628.028	128.923.936.571
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(135.792.041.706)	(134.065.108.921)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.001.263.500)	(4.421.372.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.934.677.178)</b>	<b>(9.562.544.850)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(8.427.916.312)</b>	<b>2.884.892.576</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>20.276.826.880</b>	<b>17.045.930.713</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		588.922.635	346.003.591
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>12.437.833.203</b>	<b>20.276.826.880</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thanh Định

Tăng Hùng

Lê Đức Khiêm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005810 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006. Công ty có 02 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005810 thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 2019 thì vốn điều lệ của Công ty là **20.000.000.000 đồng** (Hai mươi tỷ đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực Sản xuất, thương mại và dịch vụ ngành hàng may mặc.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc;
- Sản xuất, mua bán các loại nguyên phụ liệu, vật tư, bao bì, máy móc thiết bị ngành may mặc;
- Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

**Trụ sở Công ty tại:** Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và đặc biệt tại Việt Nam có quy định cách ly xã hội từ ngày 01/04/2020 đến ngày 22/04/2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ, sau đó dịch bệnh vẫn tiếp tục ảnh hưởng, giao thương quốc tế bị hạn chế, các khách hàng nước ngoài tạm dừng nhận hàng. Công ty đã phải thương thảo lại thời hạn giao hàng và giảm giá một số mặt hàng nhằm hỗ trợ đối tác. Theo đó, doanh thu bán hàng trong năm 2020 bị sụt giảm mạnh, ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận trong năm và giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2020.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cho đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được nợ đúng hạn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không có khoản nợ phải thu khó đòi nào cần trích lập dự phòng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

**Loại tài sản cố định**

**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 20
- Máy móc, thiết bị	05 - 07
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- TSCĐ khác	03 - 07

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 14 năm.



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư phần mềm được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

Chi phí sửa chữa cần phân bổ: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

**9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đã đánh giá lại số dư công nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước tiền lương nghỉ phép, lương theo phương án, chi phí lãi tiền vay và các khoản chi phí phải trả khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về việc cho thuê kho. Việc phân bổ để ghi nhận vào doanh thu được thực hiện được phân bổ theo số kỳ cho thuê kho trả tiền trước.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa may mặc, vải tiết kiệm, doanh thu dịch vụ gia công, doanh thu hợp tác kinh doanh, doanh thu cho thuê kho và doanh thu khác.

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã phát sinh và lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại.

**16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền	12.437.833.203	10.776.826.880
Tiền mặt	164.727.433	360.342.600
Tiền gửi ngân hàng	12.273.105.770	10.416.484.280
Các khoản tương đương tiền	-	9.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.437.833.203</b>	<b>20.276.826.880</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2020 VND		01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Itochu Prominent USA LLC	1.884.924.657	-	23.546.728.552	-
Công ty CP Thời trang KOWIL Việt Nam S Apparel Group Pty., Ltd	7.119.611.950	-	4.245.889.917	-
Công ty CP Thời trang Kowil Việt Nam	473.053.600	-	3.714.363.266	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Ngân Hà	7.528.700.300	-	1.223.578.402	-
Các đối tượng khác	2.467.192.200	-	-	-
Cộng	19.563.100.107	-	39.390.030.440	-

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Ayou Group Limited	316.090.253	1.791.119.466
Lu Thai Textile Company Ltd	550.959.253	-
James Fabric Import and Export Co., Ltd	-	226.120.232
Các đối tượng khác	86.040.000	404.827.180
<b>Cộng</b>	<b>953.089.506</b>	<b>2.422.066.878</b>

**4. Phải thu khác**

	31/12/2020 VND		01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Phải thu khác</b>	<b>936.508.922</b>	-	<b>405.207.879</b>	-
Phải thu về lãi tiền gửi	-	-	32.719.445	-
Phải thu tiền lương tết dương lịch	-	-	345.600.000	-
Công ty CP Thương mại dịch vụ Thiên Nam Hòa	568.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	313.808.015	-	26.888.434	-
Dư Nợ TK 3388	54.700.907	-	-	-
<b>Tạm ứng</b>	<b>12.054.975</b>	-	<b>21.905.800</b>	-
<b>Ký cược, ký quỹ</b>	<b>107.520.941</b>	-	<b>58.467.281</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>1.056.084.838</b>	-	<b>485.580.960</b>	-



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**5. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	298.936.864	-
Nguyên liệu, vật liệu	31.897.793.158	-	36.007.476.120	-
Công cụ, dụng cụ	65.513.250	-	132.550.428	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.447.635.007	-	2.499.585.182	-
Thành phẩm	32.343.672.636	(121.828.365)	35.098.358.867	-
Hàng gửi bán	3.646.092.043	-	3.444.947.227	-
<b>Cộng</b>	<b>73.400.706.094</b>	<b>(121.828.365)</b>	<b>77.481.854.688</b>	-

**6. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	71.760.000
Chương trình phần mềm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>71.760.000</b>

**7. Chi phí trả trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	<b>140.332.180</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	-	87.666.666
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	52.665.514
<b>b) Dài hạn</b>	<b>602.739.414</b>	<b>1.129.537.962</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	90.663.489	310.098.941
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	512.075.925	819.439.021
<b>Cộng</b>	<b>602.739.414</b>	<b>1.269.870.142</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

Địa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	Cộng					
								Nguyên giá	Số dư ngày 01/01/2020	Mua trong năm	Thanh lý, nhượng bán	Số dư ngày 31/12/2020
Nguyên giá												
Số dư ngày 01/01/2020	18.894.266.925	64.066.820.867	3.066.974.801	1.626.389.682	3.246.102.341	90.900.554.616	90.900.554.616					
Mua trong năm	-	6.397.500.000	-	-	-	6.397.500.000	6.397.500.000					
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.059.235.084)	-	-	-	(1.059.235.084)	(1.059.235.084)					
Số dư ngày 31/12/2020	18.894.266.925	69.405.085.783	3.066.974.801	1.626.389.682	3.246.102.341	96.238.819.532	96.238.819.532					
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư ngày 01/01/2020	13.820.006.309	43.189.501.665	1.352.407.444	1.559.016.174	1.753.383.528	61.674.315.120	61.674.315.120					
Khấu hao trong năm	760.867.516	5.460.437.234	326.772.348	67.373.508	391.243.548	7.006.694.154	7.006.694.154					
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.059.235.084)	-	-	-	(1.059.235.084)	(1.059.235.084)					
Số dư ngày 31/12/2020	14.580.873.825	47.590.703.815	1.679.179.792	1.626.389.682	2.144.627.076	67.621.774.190	67.621.774.190					
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2020	5.074.260.616	20.877.319.202	1.714.567.357	67.373.508	1.492.718.813	29.226.239.496	29.226.239.496					
Tại ngày 31/12/2020	4.313.393.100	21.814.381.968	1.387.795.009	-	1.101.475.265	28.617.045.342	28.617.045.342					

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.712.469.100 VND (Tại ngày 01/01/2020 là 26.701.757.299 VND)



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2020	791.250.000	791.250.000
Số dư ngày 31/12/2020	791.250.000	791.250.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2020	514.562.501	514.562.501
Khấu hao trong năm	58.250.004	58.250.004
Số dư ngày 31/12/2020	572.812.505	572.812.505
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2020	276.687.499	276.687.499
Tại ngày 31/12/2020	218.437.495	218.437.495

**10. Phải trả người bán**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Advance Factory Ltd	599.522.255	599.522.255	8.954.849.393	8.954.849.393
London Paris Ltd	3.878.959.685	3.878.959.685	3.368.300.113	3.368.300.113
Lu Thai Textile Company Ltd	-	-	4.619.667.275	4.619.667.275
Công ty TNHH Lu Thai (Việt Nam)	665.687.380	665.687.380	2.856.432.854	2.856.432.854
Công ty Cổ phần Kết nối thời trang	2.217.391.214	2.217.391.214	3.303.695.844	3.303.695.844
Freudenberg & Vilene International Ltd	988.208.584	988.208.584	2.016.413.228	2.016.413.228
Các đối tượng khác	15.621.279.711	15.621.279.711	13.881.464.156	13.881.464.156
<b>Cộng</b>	<b>23.971.048.829</b>	<b>23.971.048.829</b>	<b>39.000.822.863</b>	<b>39.000.822.863</b>

**11. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Advance Factory Limited	-	-	4.436.259.712	4.436.259.712
Jermyn Street Guild Pty Ltd	162.805.075	162.805.075	736.235.198	736.235.198
Công ty Cổ phần Đầu tư K&G Việt Nam	1.629.200.709	1.629.200.709	664.585.650	664.585.650

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các đối tượng khác	108.423.903	259.831.922
<b>Cộng</b>	<b>1.900.429.687</b>	<b>6.096.912.482</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
<b>Phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	619.515.178	619.515.178	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	26.527.243	26.527.243	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	283.367.559	474.620.491	612.996.769	144.991.281
Thuế thu nhập cá nhân	30.713.114	494.683.268	499.879.909	25.516.473
Các loại thuế khác	-	13.469.177	13.469.177	-
<b>Cộng</b>	<b>314.080.673</b>	<b>1.628.815.357</b>	<b>1.772.388.276</b>	<b>170.507.754</b>

**13. Chi phí phải trả**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Trích trước tiền điện	42.695.470	42.695.470	46.568.123	46.568.123
<b>Cộng</b>	<b>42.695.470</b>	<b>42.695.470</b>	<b>46.568.123</b>	<b>46.568.123</b>

**14. Phải trả khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Kinh phí công đoàn	641.641.633	641.641.633	737.822.241	737.822.241
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	31.506.000	31.506.000	32.769.500	32.769.500
Phải trả tiền thuê đất Bộ Quốc Phòng	1.381.142.050	1.381.142.050	-	-
Phải trả tiền bảo hành công trình	351.862.500	351.862.500	335.418.600	335.418.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.080.130.933	1.080.130.933	910.046.653	910.046.653
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.217.654.947	6.217.654.947	5.307.220.805	5.307.220.805
ArvenCo GmbH	828.689.852	828.689.852	1.267.963.106	1.267.963.106
Jermyn Street Guild Pty Ltd	5.388.965.095	5.388.965.095	3.989.257.699	3.989.257.699
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Hoàng Hà	-	-	50.000.000	50.000.000
Dư Có TK 138	226.009.500	226.009.500	50.898.238	50.898.238
<b>Cộng</b>	<b>9.929.947.563</b>	<b>9.929.947.563</b>	<b>7.374.176.037</b>	<b>7.374.176.037</b>

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B 09 - DN

**15. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
<b>Ngắn hạn</b>				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (*)	56.086.534.515	56.086.534.515	127.858.628.028	136.038.006.232
<b>Cộng</b>	<b>56.086.534.515</b>	<b>56.086.534.515</b>	<b>127.858.628.028</b>	<b>64.265.912.719</b>

(\*) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 12039.20.201.150497.TD ngày 27/03/2020 với hạn mức cho vay là 80 tỷ đồng đã bao gồm dư nợ gốc vay của hợp đồng cấp tín dụng số 8261.19.201.150497.TD ngày 25/03/2019 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn và Công ty CP 28 Hưng Phú, mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của Công ty, thời hạn cấp hạn mức đến 19/03/2021, thời hạn và lãi suất vay theo văn bản nhận nợ theo từng lần đa không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay. Khoản vay được bảo đảm chi tiết quy định tại khoản 10 của Hợp đồng nêu trên bao gồm: Tiền ký quỹ, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá tại Ngân hàng TMCP Quân đội; trái phiếu chính phủ và tin phiếu kho bạc theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội và của các tổ chức tín dụng khác được Ngân hàng chấp thuận; hàng tồn kho luân chuyển; quyền đòi nợ; hàng hóa hình thành từ phương án mở LC. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 13.694.297.143 VND và 1.827.646 USD.

31/2020  
CÔNG  
H NHIỆM  
TOÁN VI  
VIỆT N  
GIẤY -

11 12 2020

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**16. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND		
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2019</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>4.799.438.899</b>	<b>24.799.438.899</b>
Lãi trong năm trước	-	9.724.787.294	9.724.787.294
Trích lập các quỹ	-	(4.959.641.520)	(4.959.641.520)
Chia cổ tức	-	(4.400.000.000)	(4.400.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>5.164.584.673</b>	<b>25.164.584.673</b>
Lãi trong năm nay	-	4.095.401.598	4.095.401.598
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	(537.467.715)	(537.467.715)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 (*)	-	(2.139.453.204)	(2.139.453.204)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 (*)	-	(1.597.206.623)	(1.597.206.623)
Chia cổ tức	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Điều chỉnh giảm trích quỹ thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành năm 2019 (*)	-	291.743.619	291.743.619
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>2.277.602.348</b>	<b>22.277.602.348</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 23/06/2020

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	10.664.000.000	10.664.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	1.156.000.000	1.156.000.000
Nguyễn Văn Dũng	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	7.180.000.000	7.180.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>4.400.000.000</b>



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**e) Các quỹ của Công ty**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	11.193.011.872	537.467.715	-	11.730.479.587
<b>Cộng</b>	<b>11.193.011.872</b>	<b>537.467.715</b>	<b>-</b>	<b>11.730.479.587</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất quốc phòng số 2104/HĐ-BQP ngày 12/07/2012 tại 168 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm trụ sở công ty, nhà xưởng sản xuất, kinh doanh từ năm 2012 đến năm 2061. Diện tích khu đất thuê là 16.856 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Tài sản nhận giữ hộ, gia công**

	Đơn vị tính	31/12/2020	01/01/2020
Vải	Mét	64.882,02	76.696,33
Keo	Mét	6.227,90	5.162,90
Nguyên phụ liệu khác	Cái	86.339,00	116.528,00

**c) Ngoại tệ các loại:**

	31/12/2020	01/01/2020
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn USD	112.312,18	268.518,41

**d) Nợ khó đòi đã xử lý:**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Gestion Make Inc	407.211.417	407.211.417

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	351.229.413.697	459.315.322.522
Doanh thu bán nguyên vật liệu	352.075.208	577.283.352
Doanh thu cung cấp dịch vụ	819.089.649	308.341.047
Doanh thu cho thuê kho, mặt bằng	3.868.217.993	3.169.750.000
<b>Cộng</b>	<b>356.268.796.547</b>	<b>463.370.696.921</b>

**b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2**

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	854.788.385	-
Hàng bán bị trả lại	56.680.784	1.524.564.400
<b>Cộng</b>	<b>911.469.169</b>	<b>1.524.564.400</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	323.077.145.997	423.446.535.139
Giá vốn bán nguyên vật liệu	280.917.722	480.931.038
Giá vốn cung cấp dịch vụ	90.039.621	133.818.850
Giá vốn cho thuê kho, mặt bằng	571.164.098	348.043.124
<b>Cộng</b>	<b>324.019.267.438</b>	<b>424.409.328.151</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	402.324.182	330.088.118
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.674.630.363	1.087.039.721
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	974.259.575	578.463.644
<b>Cộng</b>	<b>3.051.214.120</b>	<b>1.995.591.483</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.143.496.506	2.114.652.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	852.826.972	164.235.255
Chi phí tài chính khác	25.094.364	-
<b>Cộng</b>	<b>3.021.417.842</b>	<b>2.278.887.361</b>



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**6. Thu nhập khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	29.090.909	110.000.000
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	37.111.000	34.093.450
Thu nhập từ công nợ tồn đọng lâu không phải trả	-	1.223.203.725
Thu nhập khác	-	5.581.818
<b>Cộng</b>	<b>66.201.909</b>	<b>1.372.878.993</b>

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>4.395.889.373</b>	<b>3.900.205.263</b>
Chi phí vật liệu, bao bì	224.582	11.250.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.325.188.113	3.750.272.279
Chi phí bằng tiền khác	70.476.678	138.682.862
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>22.468.146.665</b>	<b>23.013.765.105</b>
Chi phí nhân viên quản lý	15.746.226.890	16.722.530.847
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.493.033.933	1.708.861.914
Thuế, phí và lệ phí	8.100.368	718.792.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	923.981.139	1.137.965.287
Chi phí bằng tiền khác	3.296.804.335	2.725.614.236
<b>Cộng</b>	<b>26.864.036.038</b>	<b>26.913.970.368</b>

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	228.488.036.857	314.679.371.294
Chi phí nhân công	83.000.442.221	101.732.970.889
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.064.944.158	6.995.015.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.142.727.011	24.646.057.008
Chi phí khác bằng tiền	13.069.316.103	7.388.829.779
<b>Cộng</b>	<b>348.765.466.350</b>	<b>455.442.244.004</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	4.570.022.089	11.612.417.117
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.317.499.993)	(2.226.500.000)
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	120.580.360	52.232.000
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.373.102.456	9.438.149.117

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	474.620.491	1.887.629.823

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.095.401.598	9.724.787.294
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.597.206.623)	(6.515.607.486)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(1.597.206.623)	(6.515.607.486)
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.498.194.975	3.209.179.808
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.249,10	1.604,59

(\*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 23/06/2020. Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.

(\*\*) Do trên Báo cáo tài chính năm 2019 Công ty đã tạm ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng số liệu trích quỹ được công bố chính thức tại kỳ họp thường niên khác với số đã công bố trên Báo cáo tài chính năm 2019 nên Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Cụ thể như sau:

	Năm 2019 Số trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Năm 2019 Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	9.724.787.294	-	9.724.787.294
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.667.897.901)	(1.847.709.585)	(6.515.607.486)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.667.897.901	2.139.453.204	6.807.351.105
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	(291.743.619)	(291.743.619)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.056.889.393	(1.847.709.585)	3.209.179.808
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000		2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.528,44	-	1.604,59



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay cuối năm	245.964.526	-

**2. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	127.858.628.028	128.923.936.571
<b>Cộng</b>	<b>127.858.628.028</b>	<b>128.923.936.571</b>

**3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	135.792.041.706	134.065.108.921
<b>Cộng</b>	<b>135.792.041.706</b>	<b>134.065.108.921</b>

**VIII Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Công ty mẹ
Công ty Kinh doanh Thời trang	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
Xí nghiệp May đo Quân đội	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ

(\*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Mua hàng</b>	<b>3.307.720.654</b>	<b>586.876.284</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	2.795.720.654	481.381.374
Xí nghiệp May đo Quân đội	512.000.000	105.494.910

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

<b>Bán hàng</b>	<b>5.267.124.545</b>	<b>9.272.727</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.795.454.545	5.454.545
Công ty Kinh doanh Thời trang	1.471.670.000	-
Xí nghiệp May đo Quân đội	-	3.818.182
<b>Chia cổ tức</b>	<b>1.599.600.000</b>	<b>2.346.080.000</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.599.600.000	2.346.080.000

(\*) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải thu khác</b>	<b>54.700.907</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	54.700.907	-

**Phải trả phải nộp khác**

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	121.463.885
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>121.463.885</b>

(\*) Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của thành viên trong Ban TGD và HĐQT	825.000.000	905.906.935
<b>Cộng</b>	<b>825.000.000</b>	<b>905.906.935</b>

**3. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay đã trình bày tại Thuyết minh số V.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Các khoản vay	56.086.534.515	64.265.912.719
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	12.437.833.203	20.276.826.880
Nợ thuần	43.648.701.312	43.989.085.839
Vốn chủ sở hữu	34.008.081.935	36.357.596.545
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	128%	121%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.437.833.203	20.276.826.880
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.619.184.945	39.875.611.400
<b>Cộng</b>	<b>33.057.018.148</b>	<b>60.152.438.280</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	56.086.534.515	64.265.912.719
Phải trả người bán và phải trả khác	33.900.996.392	46.374.998.900
Chi phí phải trả	42.695.470	46.568.123
<b>Cộng</b>	<b>90.030.226.377</b>	<b>110.687.479.742</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	33.900.996.392	-	33.900.996.392
Chi phí phải trả	42.695.470	-	42.695.470
Các khoản vay	56.086.534.515	-	56.086.534.515

01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	46.374.998.900	-	46.374.998.900
Chi phí phải trả	46.568.123	-	46.568.123
Các khoản vay	64.265.912.719	-	64.265.912.719

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.437.833.203	-	12.437.833.203
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.619.184.945	-	20.619.184.945

01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.276.826.880	-	20.276.826.880
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.875.611.400	-	39.875.611.400



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Định

Kế toán trưởng

Tăng Hùng

Tổng Giám đốc



Lê Đức Khiêm



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ**  
**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN**  
**THEO PHÁP LUẬT**

Tổng Giám đốc



Lê Đức Khiêm